

## BẢN CÁO BẠCH

(Số: 34.../KISCW)

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 56/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 07 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 06 năm 2018)



### CHÀO BÁN BỔ SUNG CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 199 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 / 07 / 2020)

*Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại [www.kisvn.vn](http://www.kisvn.vn) từ ngày chào bán*

*Phụ trách công bố thông tin:*

*Họ tên: Hoàng Anh Việt - Phòng Chứng khoán phái sinh*

*Số điện thoại: 028.3914.8585 (Ext: 1114)*

*Email: viet.ha@kisvn.vn*

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang số 1 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 56/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 07 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 06 năm 2018)

### CHÀO BÁN BỔ SUNG CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

- Tên chứng quyền: Chứng quyền.STB.KIS.M.CA.T.04.
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: STB.
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- Loại chứng quyền: Mua.
- Kiểu thực hiện: châu Âu.
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Tiền.
- Thời hạn: 05 tháng.
- Ngày đáo hạn: 16/09/2020.
- Tỷ lệ chuyển đổi: 1:1.
- Giá thực hiện: 11.111 đồng.
- Giá chào bán dự kiến: Là giá đóng cửa của chứng quyền tại ngày liền trước ngày công bố bản Thông báo phát hành chứng quyền.
- Số lượng đăng ký chào bán bổ sung: 3.000.000 chứng quyền
- Giá đăng ký chào bán bổ sung dùng để xác định giá trị của chứng quyền: 1.460 đồng/chứng quyền. (là giá đóng cửa của chứng quyền tại ngày 02/07/2020).
- Tổng giá trị của chứng quyền tính đến hết ngày 02/07/2020 (bao gồm chứng quyền niêm yết và chưa niêm yết): 8.760.000.000 đồng.
- Tổng giá trị tài sản bảo đảm thanh toán (bao gồm chứng quyền niêm yết và chưa niêm yết): 4.850.000.000 đồng.

**NGÂN HÀNG NHẬN KÝ QUỸ TÀI SẢN BẢO ĐẢM THANH TOÁN**

**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHÔI NGHĨA**

Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3821 8812      Fax: (028) 3914 4714      Website: [www.bidv.com.vn](http://www.bidv.com.vn)

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TPHCM**

Địa chỉ: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TPHCM

Điện thoại: (028) 3832 9129      Fax: (028) 3834 2957      Website: [www.aisc.com.vn](http://www.aisc.com.vn)

## MỤC LỤC

	Trang
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....	1
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	3
III. CÁC KHÁI NIỆM .....	3
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	5
V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	6
VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	18
VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM .....	30
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	33
IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH .....	33
X. CAM KẾT .....	33
XI. NGÀY, THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CÔNG TY, NGÂN HÀNG LƯU KÝ.....	33
XII. PHỤ LỤC.....	33

## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc Bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền không nên hiểu việc phát hành chứng quyền như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

#### 1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

- Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền trên thị trường và chứng quyền này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền.

- Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.

- Rủi ro chứng quyền bị hủy niêm yết: Trong trường hợp tổ chức phát hành bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, chứng quyền sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền bị hủy trước ngày đáo hạn.

- Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cân trọng. Nếu các bên liên quan

đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.

- Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: Tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền này.

## 2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền có bảo đảm

- Rủi ro đầu tư chung: Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá chứng quyền và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.

- Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền: Do chứng quyền có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền.

- Rủi ro về giá: Là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền. Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền thông qua phương thức phát hành bổ sung, miễn là hạn mức phát hành chứng quyền đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành bổ sung có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền.

- Rủi ro từ tính đòn bẩy: Đầu tư vào chứng quyền chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.

- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền tại mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền đó. Thanh khoản của chứng

quyền phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của tổ chức phát hành. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền sẽ sôi động.

- Rủi ro về thuế: Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không thực hiện chuyển nhượng chứng quyền trước ngày đáo hạn được quy định theo Công văn hướng dẫn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm. Các trường hợp cụ thể được nêu tại mục 8, phần VI trong Bản cáo bạch này.

- Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không có quyền lợi như cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở, bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

### **3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở**

- Một số sự kiện xảy ra (bao gồm phát hành cổ phiếu thường hoặc phân phối tiền bởi công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức phát hành**

- Ông: Park Won Sang, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.
- Bà: Trương Thị Kim Dung, Chức vụ: Kế toán trưởng.
- Ông: Lê Tích Đức, Chức vụ: Phó bộ phận Kiểm soát nội bộ.
- Ông: Lee Dong Hyun, Chức vụ: Trưởng bộ phận Chứng khoán phái sinh.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Chúng tôi có thể cập nhật hoặc sửa đổi Bản cáo bạch này trong quá trình phát hành chứng quyền để đảm bảo đúng các quy định được ban hành. Bất kỳ sự cập nhật bổ sung nào sẽ được công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

## **III. CÁC KHÁI NIỆM**

- **Chứng quyền có bảo đảm** (sau đây gọi tắt là chứng quyền) là hợp đồng giữa nhà đầu tư và tổ chức phát hành chứng quyền được định nghĩa theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số



58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

- **Chứng khoán cơ sở** là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng quyền** là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.
- **Ngân hàng lưu ký** là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- **Người sở hữu chứng quyền** là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **Chứng quyền mua** là loại chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số lượng chứng khoán cơ sở theo mức giá thực hiện hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.
- **Chứng quyền kiểu châu Âu** là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- **Giá thực hiện** là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành, hoặc được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
- **Tỷ lệ chuyển đổi** cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.
- **Ngày đáo hạn** là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.
- **Ngày giao dịch cuối cùng** là ngày giao dịch trước hai (02) ngày so với ngày đáo hạn của chứng quyền có bảo đảm và là ngày cuối cùng mà chứng quyền còn được giao dịch. Trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết, ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền trùng với ngày giao dịch cuối cùng của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền đang lưu hành** là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.
- **Chứng quyền chưa lưu hành** là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của tổ chức phát hành.
- **Chứng quyền có lãi (ITM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền lỗ (OTM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền hòa vốn (ATM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở.

- **Vị thế mở chứng quyền** của tổ chức phát hành bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.

- **Delta** là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$\text{Delta} = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

- **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền** là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn. Giá thanh toán do Sở Giao dịch Chứng khoán tính toán và công bố.

#### **IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ**

##### **1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam**

Kinh tế Việt Nam trong năm 2019 đã đạt được kết quả ấn tượng trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm, căng thẳng thương mại Mỹ-Trung và vấn đề chính trị làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu. Cụ thể GDP tăng trưởng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6% đến 6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011; Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp 2,73%, thấp hơn mục tiêu đề ra là 4%; Vốn FDI đạt 38 tỷ USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2018; Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt hơn 500 tỷ USD, cán cân thương mại hàng hóa năm 2019 ước tính xuất siêu 9,9 tỷ USD, mức cao nhất trong 4 năm liên tiếp; Môi trường kinh doanh, đầu tư được cải thiện mạnh mẽ. Từ những thành quả đạt được trong năm 2019, kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ tăng trưởng tích cực hơn trong 2020. Trong năm 2020, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP khoảng 6,8%; Mục tiêu lạm phát tiếp tục dưới 4%; Bội chi ngân sách nhà nước là 3,44% GDP; Nợ công không quá 54,3% GDP. Bên cạnh đó, các mục tiêu của năm 2020 còn có: Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 7%; Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%; Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 33% - 34% GDP; Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, chính sách, pháp luật. Dù vậy, những bất ổn về chính trị, chiến tranh thương mại, bảo hộ hàng hóa, ... trên thế giới sẽ có những ảnh hưởng không nhỏ lên nền kinh tế Việt Nam trong năm 2020, nhiều dự báo về những tiềm ẩn khó khăn, thách thức đối với kinh tế đất nước.

##### **2. Thị trường chứng khoán Việt Nam và cơ hội đầu tư**

Kết thúc năm 2019, VN-Index tăng gần 8% so với năm trước. Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2019 có khởi đầu tương đối khởi sắc với chỉ số VN-Index đi lên liên tục và vượt ngưỡng tâm lý quan trọng 1.000 điểm hai lần trong năm vào tháng 3 và tháng 11. Tuy nhiên, thị trường sau đó không duy trì được sự hưng phấn và rơi sâu về 950 điểm. Vào những tháng cuối năm 2019, thị trường có phần ổn định hơn, tiếp tục quá trình tích lũy định hình xu hướng mới. Theo đó, thanh khoản của thị trường cũng giảm 29% so với năm 2018. Ngoài ra, thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2019 cũng có những sự kiện nổi bật: Dòng vốn ngoại mua ròng trên thị trường cổ phiếu Việt Nam năm 2019 hơn 2,7 tỷ USD; Danh mục chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ vào cuối năm 2019 là 36,4 tỷ USD, tăng so với mức hơn 34 tỷ USD của năm 2018; Quy mô Thị trường chứng khoán 2019 cũng tăng hơn 10% so với năm 2018; Thị trường

trái phiếu doanh nghiệp phát triển bùng nổ, tính đến hết 2019, quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã tương đương 10,26% GDP; Luật Chứng khoán mới được Quốc hội thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021, đánh dấu bước tiến quan trọng của thị trường chứng khoán Việt Nam; Chứng quyền có bảo đảm - Sản phẩm phái sinh thứ hai được chính thức đi vào hoạt động và giao dịch trên thị trường kể từ tháng 6 năm 2019, tạo nên sự đa dạng lựa chọn cho nhà đầu tư. Tính đến tháng 12/2019, tổng khối lượng giao dịch bình quân của chứng quyền đạt 2,81 triệu chứng quyền, giá trị giao dịch bình quân đạt 7,44 tỷ đồng.

Theo đó, thị trường Việt Nam có cơ hội bức phá để xác lập mức cao mới dựa trên những nền tảng sau:

- Tăng trưởng GDP và lợi nhuận doanh nghiệp duy trì mức cao.
- Chính sách tiền tệ vẫn theo hướng nới lỏng.
- Đẩy mạnh lộ trình nâng cấp thị trường chứng khoán: Triển khai nới room cho nhà đầu tư nước ngoài, IPO và niêm yết mới của nhiều doanh nghiệp lớn, phát triển thêm những sản phẩm mới như Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ và Chứng quyền có bảo đảm cũng như đạt mục tiêu được nâng hạng lên thị trường mới nổi.
- Thoái vốn nhà nước tiếp tục được triển khai với qui mô lớn.
- Khối ngoại giữ vị thế mua ròng với sự tham gia gia tăng của các quỹ đầu tư hiện hữu và mới.

### **3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền**

Cùng với các kênh đầu tư hiện nay là cổ phiếu và hợp đồng tương lai chỉ số, chứng quyền có bảo đảm mang đến cho nhà đầu tư một cơ hội đầu tư mới với nhiều lợi thế nổi bật như: cổ định khoản lỗ tối đa, tính đòn bẩy, chi phí đầu tư thấp, không phải ký quỹ giao dịch, giao dịch và thanh toán dễ dàng...

Chứng quyền là một sản phẩm phù hợp với các nhà đầu tư ưa thích rủi ro, trong đó tác động đòn bẩy chính là điểm hấp dẫn nhất của sản phẩm này. Với chi phí mua chứng quyền thấp, mức biến động của chứng quyền như là cổ phiếu cơ sở và tính chất đòn bẩy sẽ làm gia tăng tỷ suất lợi nhuận cho nhà đầu tư. Trong suốt thời hạn chứng quyền có hiệu lực, khi giá cổ phiếu cơ sở biến động đúng như dự đoán, nhà đầu tư sẽ thu được lợi nhuận rất lớn so với khoản chi phí đã đầu tư.

Việc đặt lệnh giao dịch mua, bán chứng quyền được thực hiện tương tự như giao dịch cổ phiếu. Những nhà đầu tư đã có tài khoản giao dịch cổ phiếu thông thường sẽ được sử dụng tài khoản này để giao dịch chứng quyền. Thời gian giao dịch, phương thức giao dịch, các loại lệnh áp dụng cho chứng quyền tương tự như cổ phiếu. Sau khi sở hữu chứng quyền, nhà đầu tư có quyền bán lại chứng quyền thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Bên cạnh lợi ích được tạo ra bởi yếu tố đòn bẩy, nhà đầu tư cần hiểu được các rủi ro khi giao dịch chứng quyền đồng thời xác định được mức độ chấp nhận rủi ro của bản thân trước khi quyết định đầu tư.

## **V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**

### **1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm**

**a) Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

- Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền được thành lập ngày 05/07/2007 theo Quyết định số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05/07/2007 với vốn điều lệ là 135 tỷ đồng, từ tháng 01/2015 KIS Việt Nam đã tăng vốn điều lệ lên 1.112.766.000.000 đồng. Công ty được đầu tư hệ thống hạ tầng công nghệ hiện đại, cùng với đội ngũ Ban Giám đốc và các chuyên viên có nền tảng kiến thức chuyên sâu và bề dày kinh nghiệm về môi trường kinh doanh và mạng lưới quan hệ hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước.

- 17/07/2007 Chính thức trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán theo Giấy chứng nhận số 60/GCNTVLK.

- 17/08/2007 Chính thức trở thành thành viên của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM theo Quyết định số 57/QĐ-SGDHCM.

- 28/08/2007 Chính thức trở thành thành viên của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 215/QĐ-TTGDHN.

- 12/06/2008 Công ty Chứng khoán Gia Quyền là Công ty Đại chúng, theo Công văn số 1142/UBCK-QLPH ngày 13/06/2008 của UBCKNN.

- 20/06/2008 Thành lập và khai trương Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 439/QĐ-UBCK.

- 10/07/2008 Chi nhánh Hà Nội chính thức trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán theo Giấy chứng nhận số 34/GCNTVLK-CN.

- 18/08/2010 Phát hành tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 263,646 tỷ đồng theo Quyết định số 662/QĐ-UBCK và đợt phát hành tăng vốn hoàn tất vào ngày 17/12/2010 theo giấy phép điều chỉnh số 376/GPĐC-UBCK.

- Ngày 21/3/2012 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam theo Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 21/03/2011. Ngày 24/03/2012 Công ty chính thức đổi tên của Chi nhánh thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 265/QĐ-UBCK ngày 24/03/2011.

- Ngày 08/7/2011 Công ty chính thức thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 08/07/2011.

- Ngày 29/02/2012 Chi nhánh Hà Nội chính thức thay đổi địa chỉ trụ sở theo Quyết định số 193/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 29/02/2012.

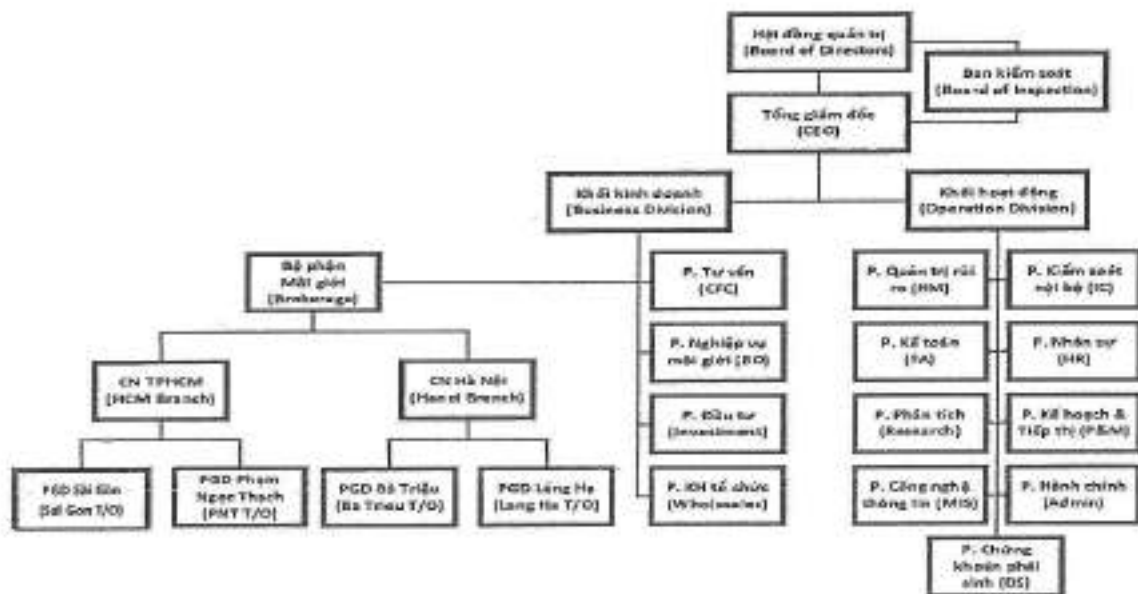
- Ngày 09/01/2015 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty số 01/GPĐC-UBCK, tăng vốn điều lệ lên 1.112.766.000.000 đồng.

- Ngày 22/04/2015 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty số 20/GPĐC-UBCK, bổ sung nghiệp vụ kinh doanh Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

- Ngày 01/06/2015 Thành lập và khai trương Phòng giao dịch Bà Triệu theo Quyết định số 458/QĐ-UBCK.
- Ngày 08/07/2015 Thành lập và khai trương Phòng giao dịch Nguyễn Tri Phương theo Quyết định số 577/QĐ-UBCK.
- Ngày 06/07/2016 Thành lập và khai trương Phòng giao dịch Láng Hạ theo Quyết định số 671/QĐ-UBCK.
- Ngày 06/09/2016 Thành lập và khai trương Phòng giao dịch Phạm Ngọc Thạch theo Quyết định số 935/QĐ-UBCK.
- Ngày 06/02/2017 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hủy đăng ký công ty đại chúng từ ngày 03/01/2017.
- Ngày 09/08/2017 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty số 38/GPDC-UBCK, thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Park Won Sang.
- Ngày 11/06/2018 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty số 42/GPDC-UBCK, tăng vốn điều lệ lên 1.897.011.000.000 đồng.
- Ngày 30/06/2020 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 35/GPDC-UBCK, tăng vốn điều lệ lên 2.596.316.050.000 đồng.

**b) Cơ cấu tổ chức & cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**

- Công ty có mô hình quản trị bao gồm Đại hội đồng Cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng.
- Thẩm quyền cao nhất Công ty là Đại hội đồng cổ đông, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường, ít nhất mỗi năm họp một lần.
- Hội đồng quản trị Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông).
- Hội đồng Quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2018-2019 gồm 3 thành viên do ông Park Won Sang là Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.
- Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ban Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, gồm 1 Tổng Giám đốc. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lãnh đạo, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của Công ty thông qua các Giám đốc phụ trách Khối, Giám đốc Chi nhánh và các Trưởng bộ phận.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



c) Công ty mẹ của Công ty

STT	Cổ đông	Địa chỉ liên lạc	Ngành nghề kinh doanh/ hoạt động	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ
1	Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc	27-1 Yeouido-dong, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Republic of Korea.	Đầu tư tài chính, chứng khoán	258.917.281	99,725%

d) Danh sách người có liên quan của Công ty

- Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>					
1	Park Won Sang	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	0	0%
2	Mun Seong Pil	Korea Investment & Securities Co.,Ltd.	Thành viên HĐQT	0	0%
3	Lee Chul Ho	Korea Investment & Securities Co.,Ltd.	Thành viên HĐQT	0	0%
<b>Ban Giám đốc</b>					

1	Park Won Sang	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	0	0%
2	Lee Hun Woo	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Giám đốc khối Hoạt động	0	0%
3	Lee Jae Heung	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Giám đốc khối Khách hàng tổ chức	0	0%
<b>Kế toán trưởng</b>					
1	Trương Thị Kim Dung	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Kế toán trưởng	0	0%

- Danh sách Ban kiểm soát của Công ty

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Hoàng Anh Việt	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Cho Hun Hee	Korea Investment & Securities Co.,Ltd.	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%
3	Hoàng Huy	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%

- Danh sách Cổ đông nắm giữ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

STT	Họ và tên	Địa chỉ liên lạc	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Korea Investment & Securities Co., Ltd.	27-1 Yeouido -dong, Yeong Deungpo-gu, Seoul, Republic of Korea	258.917.281	99,725%

- Danh sách Người thực hiện công bố thông tin

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Park Won Sang	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	0	0%

e) Thông tin về Ban Giám đốc của Công ty

Vị trí	Họ tên	Tóm tắt lý lịch
Tổng Giám đốc	Park Won Sang	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Quốc tịch: Hàn Quốc.</li> <li>▪ Trình độ học vấn: Thạc sỹ.</li> <li>▪ Quá trình công tác:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01/1991 - 12/1999: Nhân viên - Ngân hàng tín dụng Hàn Quốc.</li> <li>- 01/2000 - 05/2000: Nhân viên - Công ty Woori Camtech.</li> <li>- 06/2000 - 09/2003: Nhân viên - Công ty Winz Consulting.</li> <li>- 11/2003 - 03/2004: Nhân viên phòng Quản trị rủi ro - Công ty Chứng khoán Dongwon.</li> <li>- 04/2005 - 03/2006: Nhân viên phòng Quản trị rủi ro - Tập đoàn tài chính Dongwon.</li> <li>- 04/2006 - 02/2013: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc tại Hàn Quốc.</li> <li>- 03/2013 - 12/2014: Trưởng phòng Chiến lược - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc tại Hàn Quốc.</li> <li>- 01/2015 - 12/2015: Trưởng khu vực Bộ phận bán lẻ khu vực phía tây sông Hàn - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc tại Hàn Quốc.</li> <li>- 01/2016 - 03/2017: Trưởng khu vực Bộ phận bán lẻ khu vực phía bắc sông Hàn - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc tại Hàn Quốc.</li> <li>- 04/2017 - nay: Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.</li> </ul> </li> </ul>
Giám đốc khối Hoạt động	Lee Hun Woo	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Quốc tịch: Hàn Quốc.</li> <li>▪ Trình độ học vấn: Đại học.</li> <li>▪ Quá trình công tác:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- 06/1999 - 12/2015: Phó giám đốc phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc tại Hàn Quốc.</li> </ul> </li> </ul>



		- 02/2016 - nay: Giám đốc khối Hoạt động - Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.
Giám đốc khối Khách hàng tổ chức	Lee Jae Heung	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Quốc tịch: Hàn Quốc.</li> <li>▪ Trình độ học vấn: Đại học.</li> <li>▪ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>- 11/2005 - 12/2018: Phó giám đốc phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc tại Hàn Quốc.</li> <li>- 01/2019 - nay: Giám đốc khối Khách hàng tổ chức - Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.</li> </ul> </li> </ul>

**d) Nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền**

STT	Họ tên	Phòng ban	Chức vụ	Số năm kinh nghiệm
1	Nguyễn Quỳnh Nga	Quản trị rủi ro	Trưởng bộ phận	13 năm
2	Hoàng Anh Việt	Chứng khoán phái sinh	Phó bộ phận	6 năm

**2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành**

**a) Tổng hợp tình hình hoạt động của Công ty**

- Công ty đang thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường chứng khoán bao gồm:
  - + Môi giới chứng khoán;
  - + Tự doanh chứng khoán;
  - + Tư vấn đầu tư chứng khoán;
  - + Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
  - + Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nêu trên, Công ty cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác theo quy định.

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

Chỉ tiêu (đơn vị: nghìn đồng)	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	Quý 1/2020
Tổng giá trị tài sản	2.662.739.816	3.556.956.504	33,6%	3.569.255.863
Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh	298.762.364	408.312.545	36,7%	138.732.068
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	87.323.552	160.019.102	83,2%	44.025.136

Lợi nhuận khác	15.151	127.951	744,5%	(15)
Lợi nhuận trước thuế	87.338.703	160.147.054	83,4%	44.025.121
Lợi nhuận sau thuế	69.181.203	126.773.367	83,2%	34.616.531

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty)

b) Danh sách các chứng quyền có bảo đảm Công ty đã phát hành tính đến ngày 02/07/2020

i. Các chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành trên thị trường

Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Mã CKCS	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Tổng khối lượng chứng quyền đã phát hành	Khối lượng chứng quyền niêm yết thực tế	Giá phát hành lần đầu (đồng)	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)
Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.03	CVRE 2001	VRE	9	21/09/2020	8.000.000	4.800.000	1.500	4:1	36.789
Chứng quyền. DPM.KIS.M. CA.T.03	CDPM 2002	DPM	11	16/12/2020	2.000.000	2.000.000	1.700	0,9667 :1	14.744
Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.02	CHDB 2003	HDB	11	16/12/2020	2.000.000	2.000.000	2.700	2:1	32.123
Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.04	CHPG 2002	HPG	11	16/12/2020	3.000.000	3.000.000	1.700	2:1	29.999
Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.03	CMSN 2001	MSN	11	16/12/2020	2.000.000	2.000.000	2.300	5:1	65.789
Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.02	CNVL 2001	NVL	11	16/12/2020	2.000.000	2.000.000	2.300	4:1	65.888
Chứng quyền. SBT.KIS.M. CA.T.02	CSBT 2001	SBT	11	16/12/2020	2.000.000	2.000.000	2.900	1:1	21.111
Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.03	CSTB 2002	STB	11	16/12/2020	3.000.000	3.000.000	1.700	1:1	11.888

Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.02	CVHM 2001	VHM	11	16/12/2020	2.000.000	2.000.000	3.100	5:1	94.567
Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.03	CVIC 2001	VIC	11	16/12/2020	2.000.000	2.000.000	3.800	5:1	126.468
Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.02	CVJC 2001	VJC	11	16/12/2020	2.000.000	2.000.000	2.400	10:1	173.137
Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.03	CVNM 2002	VNM	11	16/12/2020	3.000.000	3.000.000	3.200	4.9353: 1	139.285
Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.04	CVRE 2003	VRE	11	16/12/2020	3.000.000	3.000.000	3.000	2:1	37.999
Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.05	CHPG 2007	HPG	3	16/07/2020	2.500.000	2.500.000	1.660	1:1	22.999
Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.06	CHPG 2006	HPG	5	16/09/2020	4.000.000	4.000.000	1.500	2:1	22.020
Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.04	CMSN 2003	MSN	3	16/07/2020	2.000.000	2.000.000	1.900	2:1	69.999
Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.05	CMSN 2002	MSN	5	16/09/2020	4.000.000	4.000.000	2.000	4:1	62.999
Chứng quyền. ROS.KIS.M. CA.T.02	CROS 2002	ROS	8	16/12/2020	6.000.000	6.000.000	1.000	1:1	7.227
Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.04	CSTB 2003	STB	5	16/09/2020	3.000.000	3.000.000	1.360	1:1	11.111
Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.04	CVIC 2002	VIC	3	16/07/2020	2.000.000	2.000.000	1.350	5:1	108.888
Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.05	CVRE 2004	VRE	3	16/07/2020	1.000.000	1.000.000	1.940	1:1	29.999

Chứng quyền. CTD.KIS.M. CA.T.01	CCTD 2001	CTD	8	16/12/2020	1.000.000	1.000.000	1.540	10:1	80.888
Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.04	CVNM 2006	VNM	4	05/10/2020	2.000.000	2.000.000	1.530	9.8706: 1	129,614
Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.05	CSTB 2005	STB	5	03/11/2020	2.000.000	2.000.000	1.080	2:1	11,811
Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.03	CHDB 2005	HDB	4	05/10/2020	1.500.000	1.500.000	1.080	4:1	27,327
Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.03	CVJC 2003	VJC	4	05/10/2020	1.500.000	1.500.000	1.670	10:1	123,456
Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.03	CVHM 2004	VHM	4	05/10/2020	1.500.000	1.500.000	1.490	10:1	86,868
Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.05	CVIC 2003	VIC	4	05/10/2020	1.500.000	1.500.000	1.670	10:1	103,050
Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.06	CSTB 2006	STB	10	05/04/2021	2.000.000	2.000.000	1.580	2:1	12,888
Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.07	CHPG 2010	HPG	10	05/04/2021	2.000.000	2.000.000	1.800	4:1	33,100
Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.06	CVRE 2007	VRE	10	05/04/2021	2.000.000	2.000.000	1.520	5:1	33,333
Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.03	CNVL 2002	NVL	9	10/03/2021	1.500.000	1.500.000	2.000	5:1	59,889
Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.05	CVNM 2007	VNM	9	10/03/2021	2.000.000	2.000.000	2.400	9.8706: 1	137,090

ii. Các chứng quyền có bảo đảm chưa niêm yết

iii. Các chứng quyền có bảo đảm đã đáo hạn

Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Mã CKCS	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Tổng khối lượng chứng quyền đã phát hành	Khối lượng chứng quyền niêm yết thực tế	Giá phát hành lần đầu (đồng)	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)
Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.02	CHPG 1906	HPG	3	14/11/2019	5.000.000	5.000.000	1.500	2:1	28.088
Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.01	CVIC 1901	VIC	3	14/11/2019	2.000.000	2.000.000	1.960	5:1	140.888
Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.01	CVRE 1901	VRE	3	14/11/2019	5.100.000	5.100.000	1.900	2:1	40.888
Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.01	CMSN 1901	MSN	3	14/11/2019	1.800.000	1.800.000	1.920	5:1	88.888
Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.01	CHPG 1902	HPG	6	11/12/2019	12.000.000	12.000.000	1.000	5:1	41.999
Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.01	CVNM 1901	VNM	6	13/12/2019	14.000.000	14.000.000	1.200	10:1	156.285
Chứng quyền. DPM.KIS.M. CA.T.01	CDPM 1901	DPM	4	09/01/2020	1.500.000	900.000	1.900	1:1	13.988
Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.01	CSTB 1901	STB	4	09/01/2020	4.500.000	4.500.000	1.390	1:1	10.888
Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.01	CNVL 1901	NVL	5	7/2/2020	5.000.000	3.000.000	1.900	4:1	62.088
Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.01	CVHM 1901	VHM	5	7/2/2020	5.000.000	3.000.000	3.100	4:1	89.888

Chứng quyền. SBT.KIS.M. CA.T.01	CSBT 1901	SBT	3	14/02/2020	2.000.000	2.000.000	1.500	1:1	21.212
Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.02	CVNM 1902	VNM	6	26/3/2020	5.000.000	3.000.000	1.840	10:1	133.333
Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.01	CVJC 1901	VJC	5	26/2/2020	5.000.000	3.000.000	1.800	10:1	145.678
Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.03	CHPG 1909	HPG	6	15/05/2020	5.000.000	3.000.000	1.800	2:1	24.680
Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.02	CMSN 1902	MSN	6	15/05/2020	7.000.000	7.000.000	3.000	5:1	77.889
Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.02	CVIC 1903	VIC	6	15/05/2020	4.000.000	2.400.000	2.100	10:1	123.000
Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.02	CVRE 1903	VRE	6	15/05/2020	4.000.000	2.400.000	2.700	2:1	35.789
Chứng quyền. ROS.KIS.M. CA.T.01	CROS 2001	ROS	6	19/06/2020	20.000.000	20.000.000	1.500	4:1	26.468
Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.01	CHDB 2001	HDB	6	19/06/2020	5.000.000	3.000.000	2.000	2:1	29.099
Chứng quyền. DPM.KIS.M. CA.T.02	CDPM 2001	DPM	6	19/06/2020	2.000.000	1.200.000	1.000	1,9333 :1	14.081
Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.02	CSTB 2001	STB	6	19/06/2020	10.000.000	10.000.000	1.500	1:1	10.999

3. **Tình hình tài chính** (Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty)
- Công ty đã thanh toán thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.
  - Công ty đã thực hiện đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định.
  - Tổng dư nợ vay giao dịch ký quỹ: 2.795.382.729.597 đồng.
  - Tổng giá trị các khoản cho vay: 2.846.258.988.745 đồng (bao gồm cả khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán).
  - Tổng nợ phải trả: 1.463.720.638.247 đồng.
  - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.897.011.000.000 đồng.
  - Tổng nguồn vốn: 3.556.956.503.546 đồng.
  - Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
<b>Chỉ tiêu về an toàn tài chính</b>		
- Giá trị vốn khả dụng (đồng)	2.031.183.498.819	1.978.225.038.159
- Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm) (đồng)	238.231.220.766	247.275.606.085
- Tỷ lệ vốn khả dụng: <u>Giá trị vốn khả dụng</u> Tổng rủi ro	853%	800%
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	373,7%	238,4%
- Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	373,7%	238,4%
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	26,1%	41,2%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	35,4%	69,9%
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	23,2%	31,0%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3,5%	6,1%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,6%	3,6%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	56,3%	59,9%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng)	447	668

(Nguồn: Báo cáo tài chính và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty)

## VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

## 1. Thông tin chung về chứng quyền

- Tên chứng quyền: Chứng quyền.STB.KIS.M.CA.T.04.
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: STB.
- Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- Loại chứng quyền: Mua.
- Kiểu chứng quyền: châu Âu.
- Phương thức thanh toán thực hiện quyền: Tiền.
- Thời hạn: 05 tháng.
- Ngày đáo hạn: 16/09/2020.
- Tỷ lệ chuyển đổi: 1:1.
- Giá thực hiện: 11.111 đồng.
- Giá chào bán dự kiến: Là giá đóng cửa của chứng quyền tại ngày liền trước ngày công bố bản Thông báo phát hành chứng quyền.
- Số lượng đăng ký chào bán bổ sung: 3.000.000 chứng quyền.
- Số lượng chứng quyền đã niêm yết: 3.000.000 chứng quyền.
- Giá đăng ký chào bán bổ sung dùng để xác định giá trị của chứng quyền: 1.460 đồng/chứng quyền. (là giá đóng cửa của chứng quyền tại ngày 02/07/2020).
- Số lượng chứng quyền đang lưu hành (tính đến hết ngày 02/07/2020): 2.620.470 chứng quyền.
- Giá trị của chứng quyền đang lưu hành (tính đến hết ngày 02/07/2020): 3.825.886.200 đồng (\*).
- Tổng giá trị của chứng quyền tính đến hết ngày 02/07/2020 (bao gồm chứng quyền niêm yết và chưa niêm yết): 8.760.000.000 đồng (\*\*).

(\*) Giá trị chứng quyền đang lưu hành được tính bằng Số lượng chứng quyền đang lưu hành (tính đến hết ngày 02/07/2020) x Giá đóng cửa của chứng quyền tại ngày 02/07/2020.

- Số lượng chứng quyền đang lưu hành (tính đến hết ngày 02/07/2020): 2.620.470 chứng quyền.
- Giá đóng cửa của chứng quyền tại ngày 02/07/2020: 1.460 đồng/chứng quyền.

(\*\*) Tổng giá trị của chứng quyền tính đến hết ngày 02/07/2020 được tính bằng:

Giá đăng ký chào bán bổ sung dự kiến dùng để xác định giá trị của chứng quyền x Số lượng chứng quyền chưa niêm yết + Giá đóng cửa của chứng quyền tại ngày 02/07/2020 x Số lượng chứng quyền niêm yết.

- Giá đăng ký chào bán bổ sung dự kiến dùng để xác định giá trị của chứng quyền: 1.460 đồng/chứng quyền (là giá đóng cửa của chứng quyền tại ngày 02/07/2020).



- Số lượng chứng quyền chưa niêm yết: 3.000.000 chứng quyền.
  - Giá đóng cửa của chứng quyền tại ngày 02/07/2020: 1.460 đồng/chứng quyền.
  - Số lượng chứng quyền niêm yết: 3.000.000 chứng quyền.
- Tổng giá trị tài sản bảo đảm thanh toán (bao gồm chứng quyền niêm yết và chưa niêm yết): 4.850.000.000 đồng.
- Công ty áp dụng mô hình Black-Scholes để có giá chào bán của chứng quyền:

$$C = \frac{N(d_1) \times S - N(d_2) \times X \times e^{-rT}}{k}$$

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: Giá chào bán của chứng quyền mua (đồng);

$N(d_1)$ ,  $N(d_2)$ : Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;

X: Giá thực hiện của chứng quyền (đồng);

S: Giá chứng khoán cơ sở (đồng);

T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn tính theo năm, là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/ 365;

r: Lãi suất phi rủi ro tính theo năm, là lãi suất trái phiếu chính phủ (%);

$\sigma$ : Độ biến động kỳ vọng tính theo năm của giá chứng khoán cơ sở (%);

k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền.

- Các tham số định giá chào bán chứng quyền trong mô hình Black-Scholes tại ngày tính toán 02/07/2020:

Tham số	Giá trị
Giá chứng khoán cơ sở (S) (đồng)	11.050
Giá thực hiện (X) (đồng)	11.111
Thời hạn còn lại của chứng quyền (T) (tính từ ngày 02/07/2020 đến ngày đáo hạn 16/09/2020)	0,21
Lãi suất phi rủi ro (r)	1,7786%
Độ biến động kỳ vọng thấp nhất ( $\sigma$ )	43,18%
Độ biến động kỳ vọng cao nhất ( $\sigma$ )	68,67%
Tỷ lệ chuyển đổi (k)	1

- Giải thích các tham số định giá chào bán chứng quyền trong mô hình Black-Scholes:

+ Giá chứng khoán cơ sở (S): Là giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở tại ngày tính toán.

+ Giá thực hiện (X): Là mức giá tương đương việc nhà đầu tư được quyền mua chứng khoán cơ sở khi chứng quyền đáo hạn.

+ Thời hạn của chứng quyền (T): Được tính dựa trên thời gian còn lại đến khi đáo hạn tính theo năm. Ví dụ Chứng quyền.HPG.KIS.M.CA.T.01 được chào bán vào ngày 11/06/2019 và đáo hạn vào ngày 11/12/2019, 2 thời điểm này cách nhau 183 ngày và  $T = 183/365 \approx 0,5$ .

+ Lãi suất phi rủi ro (r): Là lợi suất gần nhất của trái phiếu chính phủ kỳ hạn 12 tháng tại ngày tính toán (Nguồn: website Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

+ Độ biến động kỳ vọng thấp nhất và cao nhất ( $\sigma$ ): Độ biến động kỳ vọng được ước tính dựa trên độ lệch chuẩn (độ biến động lịch sử) của tỷ suất sinh lợi theo ngày của giá chứng khoán cơ sở trong vòng 1 năm gần nhất tính đến ngày tính toán. Dựa trên ước tính về độ biến động kỳ vọng thấp nhất và cao nhất, Công ty đưa ra mức giá chào bán thấp nhất và cao nhất tương ứng với từng mức biến động. Công thức tính độ biến động lịch sử của tỷ suất sinh lợi của giá chứng khoán cơ sở như sau:

$$r_i = \ln\left(\frac{P_{i+1}}{P_i}\right)$$
$$m = \frac{\sum_{i=1}^n r_i}{n}$$
$$a = \sqrt{\frac{\sum_{i=1}^n (r_i - m)^2}{n - 1}}$$
$$\sigma_{his} = a\sqrt{t}$$

Trong đó:

$P_i$ : Giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở tại thời điểm  $i$ ;

$n$ : Số lượng các thời điểm lấy dữ liệu;

$t$ : Số ngày giao dịch trong năm, Công ty áp dụng  $t = 250$ ;

$\sigma_{his}$ : Độ biến động lịch sử trong thời kỳ  $t$ .

+ Tỷ lệ chuyển đổi (k): Ví dụ tỷ lệ chuyển đổi là 2:1 ( $k = 2$ ), nghĩa là 2 chứng quyền tương đương với 1 chứng khoán cơ sở.

• Thông tin về các đợt phát hành Chứng quyền cùng loại trước đó:

- Tên chứng quyền: Chứng quyền.STB.KIS.M.CA.T.04.

- Mã chứng quyền: CSTB2003.

- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: STB.

- Thời hạn: 05 tháng.

- Ngày đáo hạn: 16/09/2020.

- Tỷ lệ chuyển đổi: 1:1

- Giá thực hiện: 11.111 đồng.

- Số lượng chứng quyền đã niêm yết lần đầu: 3.000.000 chứng quyền.
- Giá phát hành lần đầu: 1.360 đồng/chứng quyền.

## 2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: STB.
- Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- Lĩnh vực hoạt động chính: Tài chính và bảo hiểm.
- Ngày niêm yết: 12/07/2006.
- Nơi niêm yết: Sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu (đơn vị: tỷ đồng)	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	Quý 1/2020
Tổng giá trị tài sản	406,041	453,581	11.7%	459,076
Vốn chủ sở hữu	24,632	26,742	8.6%	27,547
Doanh thu thuần	31,447	37,476	19.2%	9,946
Thuế và các khoản phải nộp	457	762	66.8%	202
Lợi nhuận trước thuế	2,247	3,217	43.2%	988
Lợi nhuận sau thuế	1,790	2,455	37.1%	786
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	7.3%	9.2%	26.3%	2.9%

(Nguồn: Báo cáo tài chính của STB, Bloomberg)

- Các chỉ số tài chính của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong 02 năm gần nhất:

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn		
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	93.9%	94.1%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1548.4%	1596.2%
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5.7%	6.6%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7.3%	9.2%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.4%	0.5%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	7.1%	8.6%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng)	780	1,119

(Nguồn: Báo cáo tài chính của STB, Bloomberg)

- Thông tin giao dịch (tính đến ngày 02/07/2020) (Nguồn: Bloomberg):
- + Giá trị vốn hóa: 19.930 tỷ đồng.
- + Khối lượng khớp lệnh trung bình trong 6 tháng gần nhất: 11.490.757 cổ phiếu/phiên.
- + Giá điều chỉnh cao nhất trong 26 tuần: 12.500 đồng.
- + Giá điều chỉnh thấp nhất trong 26 tuần: 7.300 đồng.
- + Chỉ số giá/thu nhập (P/E): 8.3.
- + Giá đóng cửa điều chỉnh của ngày giao dịch cuối cùng của 6 tháng gần nhất:

Tháng	01/2020	02/2020	03/2020	04/2020	05/2020	06/2020
Giá (nghìn đồng)	10.20	11.60	7.30	9.10	10.30	10.75

### 3. Thời gian dự kiến đăng ký mua chứng quyền trong đợt phân phối

Dự kiến trong vòng 05 ngày làm việc tính từ ngày chào bán chứng quyền.

### 4. Đăng ký mua chứng quyền trong đợt phân phối

#### a) Hồ sơ đăng ký mua chứng quyền

##### • Đối với nhà đầu tư cá nhân:

+ 02 bản chính Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm theo mẫu tại Phụ lục số 05 đính kèm Quy trình này;

+ 01 bản sao Giấy nộp tiền mặt hoặc Ủy nhiệm chi;

+ 01 bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân;

+ 01 Giấy ủy quyền (nếu có);

+ 01 bản sao hợp lệ Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ VSD và Hộ chiếu (dành cho nhà đầu tư nước ngoài);

+ 01 Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn mua cổ phần (CCA) hoặc tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (IICA) (dành cho nhà đầu tư nước ngoài);

+ 01 bản sao hợp lệ giấy đăng ký mở tài khoản dành cho nhà đầu tư đăng ký tài khoản lưu ký chứng quyền tại công ty chứng khoán không phải là Công ty (nếu có).

##### • Đối với nhà đầu tư tổ chức:

+ 02 bản chính Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm theo mẫu tại Phụ lục số 05 đính kèm Quy trình này;

+ 01 bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ 01 bản sao hợp lệ các loại giấy tờ liên quan đến thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp (nếu có);

+ 01 bản sao Giấy nộp tiền mặt hoặc Ủy nhiệm chi;

+ 01 bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật;

+ 01 bản sao hợp lệ Giấy ủy quyền cho người đại diện thay mặt tổ chức;

+ 01 bản sao hợp lệ Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ VSD (dành cho nhà đầu tư nước ngoài);

+ 01 Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn mua cổ phần (CCA) hoặc tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (IIICA) (dành cho nhà đầu tư nước ngoài);

+ 01 bản sao hợp lệ giấy đăng ký mở tài khoản dành cho nhà đầu tư đăng ký tài khoản lưu ký chứng quyền tại công ty chứng khoán không phải là Công ty (nếu có).

#### **b) Thủ tục đăng ký mua chứng quyền**

- Bước 1: Nhà đầu tư tìm hiểu về thông tin về đợt phát hành trên website của Công ty ([www.kisvn.vn](http://www.kisvn.vn)) hoặc đến trực tiếp sàn giao dịch của Công ty để được hướng dẫn trực tiếp.

- Bước 2: Nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ đăng ký mua chứng quyền theo hướng dẫn của bộ phận Nghiệp vụ của Công ty.

- Bước 3: Sau khi hoàn thiện hồ sơ đăng ký mua chứng quyền, nhà đầu tư thực hiện thanh toán tiền mua chứng quyền bằng cách nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản theo hướng dẫn của bộ phận Nghiệp vụ của Công ty. Tiền thanh toán mua chứng quyền được chuyển vào tài khoản:

Tên tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

Số tài khoản: 1191 0000 428697.

Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa

- Bước 4: Sau khi kết thúc thời hạn phân phối chứng quyền, Công ty sẽ thông báo kết quả đăng ký mua của nhà đầu tư thông qua SMS hoặc Email.

- Bước 5: Công ty tiến hành đăng ký lưu ký chứng quyền vào tài khoản của nhà đầu tư. Sau khi hoàn tất thủ tục lưu ký và đăng ký niêm yết, chứng quyền sẽ được giao dịch chính thức trên sàn niêm yết.

#### **5. Thực hiện chứng quyền**

##### **a) Nguyên tắc thực hiện chứng quyền**

- Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lãi (ITM).

- Công ty gửi văn bản thông báo về giá thanh toán chứng quyền đến Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) chậm nhất vào ngày đăng ký cuối cùng.

- Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc thứ hai (02) sau ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán. Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, ngày đăng ký cuối cùng là ngày đáo hạn chứng quyền.

- Ngày thanh toán là ngày làm việc thứ năm (05) kể từ ngày đăng ký cuối cùng.

- Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền mua là số tiền thanh toán khi giá thanh toán lớn hơn giá thực hiện, được tính theo công thức  $[(\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}) / \text{Tỷ lệ chuyển đổi}]$ . Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).

- Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

#### **b) Trình tự thực hiện chứng quyền**

- Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Công ty, VSD lập và gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán và các thành viên lưu ký thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.

- Chậm nhất vào 9 giờ ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD lập và chuyển danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký dưới dạng chứng từ điện tử cho thành viên lưu ký.

- Thành viên lưu ký đối chiếu thông tin người sở hữu chứng quyền trong danh sách do VSD cung cấp với thông tin của thành viên lưu ký và gửi cho VSD thông báo xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử chậm nhất vào 11 giờ 00 ngày làm việc liền kề sau ngày đăng ký cuối cùng để xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong danh sách.

- Vào ngày làm việc thứ hai (02) sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền.

- Công ty phải gửi thông báo xác nhận danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSD chậm nhất vào ngày làm việc thứ ba (03) sau ngày đăng ký cuối cùng. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong danh sách, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.

- Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được thông báo xác nhận của Công ty, VSD gửi văn bản thông báo cho thành viên lưu ký có liên quan xác nhận việc phân bổ tiền do thực hiện chứng quyền.

- Chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày thanh toán tiền, Công ty phải chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSD.

- Tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký được VSD phân bổ vào tài khoản của thành viên lưu ký liên quan trong ngày làm việc liền trước ngày thanh toán. Thành viên lưu ký chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho khách hàng sở hữu chứng quyền lưu ký trong ngày thanh toán.

- Trường hợp Công ty thông báo chứng quyền không có lãi và không phải thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được văn bản của tổ chức phát hành, VSD gửi thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán và các thành viên lưu ký về việc hủy đợt chốt danh sách thực hiện chứng quyền.

**c) Trường hợp bị mất khả năng thanh toán, Công ty sẽ sử dụng các nguồn sau để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm**

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;

- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký.

#### **6. Quyền của người sở hữu chứng quyền**

- Quyền của người sở hữu chứng quyền mua: Người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.

- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do Công ty đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số; hoặc do Sở Giao dịch Chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, giá thanh toán được Công ty áp dụng là bình quân giá đóng cửa của chứng quyền trong 05 ngày giao dịch liền trước ngày hủy niêm yết chứng quyền có hiệu lực.

- Trong vòng 24 giờ kể từ ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền, Công ty sẽ công bố cách thức xác định giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực.

- Kể từ ngày công bố thông tin hủy chứng quyền đến ngày liền trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực, Công ty thực hiện việc mua lại chứng quyền thông qua hoạt động tạo lập thị trường. Giá mua lại được là mức giá thanh toán đã công bố và theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán.

#### **7. Điều chỉnh chứng quyền**

- Công ty phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới...

- Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:

+ Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.

+ Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).

+ Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).

- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân.

- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh.

## **8. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền.**

### **8.1. Phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch chứng quyền có bảo đảm**

Theo Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ tài chính về Quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Thông tư 128/2018/TT-BTC của Bộ tài chính về Quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các Tổ chức kinh doanh chứng khoán, Ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư phải trả các khoản phí khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm như sau:

- Phí mua chứng quyền tại Công ty: là giá chào bán chứng quyền  $\times$  Số lượng chứng quyền đăng ký mua.

- Phí môi giới tại Công ty.

- Phí giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán: 0,02% trên giá trị giao dịch.

- Phí lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam: 0,3 đồng/chứng quyền/tháng.

### **8.2. Biểu thuế**

Theo Công văn hướng dẫn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm, nhà đầu tư sẽ phải chịu mức thuế khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm như sau:

#### **a) Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)**

##### **+ Đối tượng:**

Tất cả các nhà đầu tư cá nhân bao gồm cá nhân trong nước và cá nhân nước ngoài có giao dịch chứng quyền có bảo đảm (bao gồm cả giao dịch chuyển nhượng chứng quyền, chứng quyền bị hủy niêm yết và thực hiện quyền).

##### **+ Mức thu:**

Thuế TNCN = Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần  $\times$  với thuế suất 0,1%.

Trong đó:

##### **+ Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền:**

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở Giao dịch Chứng khoán  $\times$  Số lượng chứng quyền.

**+ Trường hợp trước ngày đáo hạn chứng quyền bị hủy niêm yết, giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần được xác định như sau:**

- Trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực: Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường  $\times$  Số lượng chứng quyền.



- Sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực: Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố  $\times$  Số lượng chứng quyền.

Ví dụ 1: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có chứng khoán cơ sở là cổ phiếu A với giá 1.400 đồng/chứng quyền, tỷ lệ chuyển đổi là 10:1, giá thực hiện là 150.000 đồng.

- Nếu nhà đầu tư thực hiện bán chứng quyền mua tại mức giá 2.000 đồng/chứng quyền thì số thuế phải nộp là  $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200$  đồng.

- Nếu chứng quyền bị hủy niêm yết và tổ chức phát hành chứng quyền công bố giá thanh toán chứng quyền là 2.000 đồng/chứng quyền thì số thuế phải nộp là  $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200$  đồng.

**+ Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền:**

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng = Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở  $\times$  (Số lượng chứng quyền chia (:) cho Tỷ lệ chuyển đổi).

Ví dụ 2: Tương tự các giả thiết tại Ví dụ 1 nêu trên, giá thanh toán của chứng khoán cơ sở A do Sở giao dịch Chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 155.000 đồng/cổ phiếu thì số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền là:  $155.000 \times (100: 10) \times 0,1\% = 1.550$  đồng.

**b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với doanh nghiệp trong nước**

+ **Đối tượng:** Nhà đầu tư là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có thu nhập từ chứng quyền có bảo đảm.

+ **Mức thu:** Thu nhập từ chứng quyền có bảo đảm phải được doanh nghiệp kê khai, nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% theo quy định.

**c) Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với tổ chức nước ngoài sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp (nhà thầu nước ngoài)**

+ **Đối tượng:** Tổ chức nước ngoài là nhà thầu nước ngoài có thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm (bao gồm cả giao dịch chuyển nhượng chứng quyền, chứng quyền bị hủy niêm yết và thực hiện quyền).

**+ Mức thu:**

Thuế TNDN = Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần  $\times$  với thuế suất 0,1%

Trong đó, cách tính giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần áp dụng tương tự như cách tính thuế TNCN.

**d) Thời điểm xác định thu nhập tính thuế:** là thời điểm nhà đầu tư (bao gồm tổ chức, cá nhân) chuyển nhượng chứng quyền trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc thời điểm chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền.

**9. Hoạt động tạo lập thị trường**

Theo Quyết định số 68/QĐ-SGDHCM ngày 02/03/2018 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán

Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty có nghĩa vụ tạo lập thị trường nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền của Công ty phát hành, cụ thể:

**a) Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường**

Công ty phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất) / giá chào mua cao nhất.

Khi tham gia đặt lệnh, Công ty phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
- Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá 5%;
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán);
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

**b) Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường**

Trong các trường hợp sau, Công ty không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại Bản cáo bạch của Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu 100 chứng quyền, Công ty được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), Công ty được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, Công ty được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), Công ty được miễn đặt lệnh bán hoặc giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), Công ty được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), Công ty được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), Công ty được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện), Công ty được miễn đặt lệnh bán;

- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...;
- Các trường hợp khác được Sở Giao dịch Chứng khoán áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

### 1. Quy trình quản trị rủi ro

Quy trình quản trị rủi ro chứng quyền là một chuỗi các bước được thực hiện liên tục nhằm hạn chế thấp nhất các rủi ro xảy ra đối với Công ty. Để quản trị rủi ro hiệu quả, Công ty thực hiện các bước sau:

#### Bước 1: Nhận diện rủi ro đối với chứng quyền

Các rủi ro thường gặp đối với Công ty khi phát hành chứng quyền:

- Rủi ro thanh toán: Rủi ro khi Công ty không thể thực hiện được các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như Công ty bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện chứng quyền.
- Rủi ro thị trường: Rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền và giá của chứng khoán cơ sở.
- Rủi ro pháp lý: Rủi ro khi Công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ, đăng ký kinh doanh.
- Rủi ro hoạt động: Rủi ro do các lý do công nghệ (ví dụ hacker đánh sập hệ thống công nghệ thông tin), nhân viên (lừa đảo, sai sót do cố tình hoặc vô tình), tài sản vốn, các lý do bên ngoài (thiên tai, chiến tranh...).

#### Bước 2: Phân tích rủi ro

Dựa trên các rủi ro liệt kê ở bước 1, từng phòng ban liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền của Công ty sẽ đánh giá về khả năng hay xác suất rủi ro đó xảy ra và mức độ tác động. Trên cơ sở đó sẽ phân loại và xếp hạng từng loại rủi ro để có những biện pháp xử lý phù hợp.

#### Bước 3: Kiểm soát rủi ro

Việc phân tích, đánh giá rủi ro sẽ giúp Công ty xây dựng được chiến lược kiểm soát rủi ro thông qua việc lựa chọn chiến lược giải quyết hay đối phó với các rủi ro cho phù hợp. Các chiến lược thường được áp dụng để giải quyết hay đối phó với rủi ro là: tránh rủi ro, chuyển giao rủi ro, giảm nhẹ rủi ro, chấp nhận rủi ro.

#### Bước 4: Giám sát hoạt động quản trị rủi ro

Hoạt động cuối cùng trong quy trình quản trị rủi ro là hoạt động giám sát và trao đổi thông tin nhằm đánh giá lại toàn bộ quá trình nhận diện rủi ro, phân tích rủi ro, kiểm soát và đối phó với rủi ro của Công ty. Tiến độ thực hiện các kế hoạch kiểm soát rủi ro cho các rủi ro cụ thể luôn được thông báo lên cấp trên và các phòng ban liên quan để chủ động thực hiện các hành động khắc phục phù hợp.

Định kỳ, Phòng Quản trị rủi ro thực hiện đánh giá hoạt động quản trị rủi ro và đề xuất các giải pháp điều chỉnh hoạt động quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, báo cáo Ban Giám đốc.

## 2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến

- Mục đích phòng ngừa rủi ro: để đảm bảo khả năng thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, hạn chế một cách hiệu quả những tổn thất do rủi ro gây ra.

- Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro:

+ Phòng Chứng khoán phái sinh trực tiếp thực hiện phòng ngừa rủi ro theo phương án đã gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và có trách nhiệm báo cáo Ban Giám đốc và Phòng Quản trị rủi ro về vị thế phòng ngừa rủi ro vào cuối ngày. Ngoài ra, khi xảy ra những sự việc ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro, Phòng Chứng khoán phái sinh có trách nhiệm báo cáo Ban Giám đốc ngay lập tức và phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm khắc phục và đưa ra giải pháp cho vấn đề phát sinh.

+ Nhân sự trực tiếp thực hiện phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền:

STT	Họ tên	Phòng ban	Chức chỉ hành nghề	Số năm kinh nghiệm
1	Hoàng Anh Việt	Chứng khoán phái sinh	Quản lý Quỹ số 001692/QLQ	6 năm

+ Phòng Quản trị rủi ro thực hiện giám sát hoạt động phòng ngừa rủi ro của Phòng Chứng khoán phái sinh nhằm kiểm soát các rủi ro có thể xảy ra khi phát hành chứng quyền và báo cáo Ban Giám đốc.

+ Phòng Kiểm soát nội bộ thực hiện việc giám sát việc thực hiện đúng quy trình và đề xuất những giải pháp để hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ.

+ Ban Giám đốc thực hiện tổ chức, giám sát và hỗ trợ các hoạt động của tất cả phòng ban liên quan đến hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.

- Nguyên tắc thực hiện tổng quát: Công ty áp dụng phương án phòng ngừa Delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, Công ty sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở theo nguyên tắc sau:

$$P = \text{Delta} \times \text{OI}/k$$

$$\text{Delta} = N(d_1)$$

P: Số lượng chứng khoán cơ sở nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.

OI: Số lượng chứng quyền đang lưu hành của đợt phát hành.

k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền.

Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta của chứng quyền mua được tính dựa trên mô hình Black-Scholes.

- Chứng khoán phòng ngừa rủi ro:

+ Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.

+ Các loại chứng khoán khác có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền (nếu có).

- Ví dụ minh họa phương án phòng ngừa rủi ro Delta: Giả sử chứng quyền mua A có giá thực hiện là 33.000 đồng, lãi suất phi rủi ro là 4,3%; tỷ lệ chuyển đổi 2:1; thời gian đáo hạn còn 90 ngày, Công ty nắm giữ chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro theo bảng sau:

Thời gian	Giá chứng khoán cơ sở	Độ biến động	Delta	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng khoán cơ sở nắm giữ	Thay đổi của số lượng chứng khoán cơ sở nắm giữ
9h20	28.300	33%	21,7%	100.000	10.850	-
9h25	28.100	32%	19,6%	110.000	10.780	-70
9h30	28.400	35%	23,9%	90.000	10.755	-25
9h40	28.900	40%	30,5%	120.000	18.300	7.545

### 3. Đánh giá rủi ro trong trường hợp hết room cổ phiếu đối với tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm là tổ chức nước ngoài

- Dựa trên văn bản số 13385/VSD-LK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam gửi Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS Việt Nam), tài khoản tự doanh của KIS Việt Nam đã được chuyển đổi từ tài khoản tự doanh trong nước cũ là 057P000001, sang tài khoản tự doanh nước ngoài mới là 057ECB5693 từ ngày 28/09/2018. Do đó, KIS Việt Nam đã nhận diện, đánh giá rủi ro và đưa ra phương án xử lý khi xảy ra trường hợp room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền như sau:

+ Nhận diện và đánh giá rủi ro: Rủi ro xảy ra khi room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền. Rủi ro này khiến cho KIS Việt Nam không thể thực hiện phòng ngừa rủi ro khi không thể mua vào cổ phiếu cơ sở của chứng quyền đã phát hành và KIS Việt Nam không thể đáp ứng được quy định về hoạt động phòng ngừa rủi ro hiện hành của cơ quan quản lý và phương án phòng ngừa rủi ro đã được chấp thuận.

+ Kiểm soát rủi ro: Để kiểm soát rủi ro này, KIS Việt Nam lựa chọn cổ phiếu cơ sở như sau:

- Cổ phiếu cơ sở có tỷ lệ (Số lượng cổ phiếu còn lại nhà đầu tư nước ngoài có thể mua / Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng) cao hơn 10% vào thời điểm tính toán.
- Cổ phiếu cơ sở không có thông tin sự kiện doanh nghiệp liên quan đến hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trong tương lai gần mà có thể tác động lên room nước ngoài của cổ phiếu cơ sở đó.
- Cổ phiếu cơ sở có số lượng cổ phiếu còn lại nhà đầu tư nước ngoài có thể mua cao hơn nhiều lần số lượng chứng khoán cơ sở phù hợp với vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết mà KIS Việt Nam phải mua với giá định là khi chứng quyền phát hành trong trạng thái có lãi, kể cả khi hệ số delta của chứng quyền mua là 1, dựa trên công thức đã nêu trong phương án phòng ngừa rủi ro đã gửi cơ quan quản lý.

+ Phương án xử lý khi xảy ra trường hợp room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột:

- KIS Việt Nam sẽ gửi công văn giải trình đến các cơ quan quản lý khi xảy ra trường hợp room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro.
- KIS Việt Nam sẽ nạp tiền vào tài khoản tự doanh dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro tương ứng với số tiền chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và phòng ngừa rủi ro thực tế.

## VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán

- Tên ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: 16/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003.
- Địa chỉ trụ sở chính: 66 Phó Đức Chính, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714 Website: www.bidv.com.vn

### 2. Tổ chức kiểm toán

- Tên tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TPHCM
- Địa chỉ trụ sở chính: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3832 9129 Fax: (028) 3834 2957 Website: www.aisc.com.vn

## IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi và chi nhánh của chúng tôi tham gia vào các hoạt động ngân hàng, đầu tư, môi giới, tư vấn và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và/ hoặc chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/ hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

Chúng tôi cam kết không phải là người có liên quan với tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và ngân hàng lưu ký.

## X. CAM KẾT

Công ty cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

## XI. NGÀY, THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CÔNG TY, NGÂN HÀNG LƯU KÝ

<p>TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2020</p> <p><b>NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH</b></p> <p><b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b></p>  <p><b>Park Won Sang</b></p>	<p>TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2020</p> <p><b>NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ</b></p>  <p><b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b></p> <p><b>Trần Thị Kim</b></p>
---	---

**XII. PHỤ LỤC**

- Điều lệ hiện hành của Công ty năm 2020.
- Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty.







**NGHỊ QUYẾT**

V/v Thông qua thực hiện phát hành bổ sung chứng quyền có bảo đảm tên  
Chứng quyền STB.KIS.M.C.A.T.04 của KIS Việt Nam

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty;
- Căn cứ nội dung cuộc họp HĐQT ngày 03/07/2020.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua thực hiện phát hành bổ sung chứng quyền có bảo đảm của KIS Việt Nam có thông tin như sau:

STT	Thông tin	Chứng quyền
1	Tên chứng quyền	Chứng quyền STB.KIS.M.C.A.T.04
2	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	STB
3	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
4	Loại chứng quyền	Mua
5	Kiểu chứng quyền	Châu Âu
6	Phương thức thanh toán thực hiện quyền	Tiền
7	Ngày đáo hạn	16/09/2020
8	Tỷ lệ chuyển đổi	1:1
9	Giá thực hiện (đồng)	11.111
10	Giá đăng ký chào bán bổ sung dự kiến dùng để xác định giá trị của chứng quyền	1.460 đồng / chứng quyền





11	Giá chào bán	Là giá đóng cửa của chứng quyền vào ngày giao dịch liền trước ngày công bố bán Thông báo phát hành chứng quyền
12	Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	3.000.000
13	Tổng giá trị của chứng quyền tính đến hết ngày 02/07/2020 (bao gồm chứng quyền niêm yết và chưa niêm yết)	8.760.000.000 (*)
14	Tài sản bảo đảm thanh toán	Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký
15	Tổng giá trị tài sản bảo đảm thanh toán (bao gồm chứng quyền đã niêm yết và chưa niêm yết) (đồng)	4.850.000.000
16	Thời gian thông báo chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chào bán bổ sung chứng quyền
17	Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Trong vòng 05 ngày làm việc
18	Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

(\*) Tổng giá trị của chứng quyền được tính bằng:

Giá đăng ký chào bán bổ sung dự kiến dùng để xác định giá trị của chứng quyền (đối với chứng quyền chưa niêm yết) x Số lượng chứng quyền chưa niêm yết + Giá đóng cửa của chứng quyền tại ngày giao dịch gần nhất (đối với chứng quyền niêm yết) x Số lượng chứng quyền niêm yết.

- Giá đăng ký chào bán bổ sung dự kiến dùng để xác định giá trị của chứng quyền: 1.460 đồng/chứng quyền.
- Số lượng chứng quyền chưa niêm yết: 3.000.000 chứng quyền.
- Giá đóng cửa của chứng quyền tại ngày 02/07/2020: 1.460 đồng/chứng quyền.
- Số lượng chứng quyền niêm yết: 3.000.000 chứng quyền.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Chủ tịch HĐQT**



Park Won Sang





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM



## CÔNG VĂN

V/v: Đánh giá rủi ro trong trường hợp hết room cổ phiếu đối với tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm là tổ chức nước ngoài dành cho Chứng quyền.STB.KIS.M.CA.T.04

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 56/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 07 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 06 năm 2018.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-28) 3914 8585 Fax: (84-28) 3821 6898 Website: www.kisvn.vn

### Nội dung công văn:

Dựa trên văn bản số 13385/VSD-LK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam gửi Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS Việt Nam), tài khoản tự doanh của KIS Việt Nam đã được chuyển đổi từ tài khoản tự doanh trong nước cũ là 057P000001, sang tài khoản tự doanh nước ngoài mới là 057ECB5693 từ ngày 28/09/2018. Do đó, KIS Việt Nam đã nhận diện, đánh giá rủi ro và đưa ra phương án xử lý khi xảy ra trường hợp room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền Chứng quyền.STB.KIS.M.CA.T.04 như sau:

- Nhận diện và đánh giá rủi ro: Rủi ro xảy ra khi room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền. Rủi ro này khiến cho KIS Việt Nam không thể thực hiện phòng ngừa rủi ro khi không thể mua vào cổ phiếu cơ sở của chứng quyền đã phát hành và KIS Việt Nam không thể đáp ứng được quy định về hoạt động phòng ngừa rủi ro hiện hành của cơ quan quản lý và phương án phòng ngừa rủi ro đã được chấp thuận.
- Kiểm soát rủi ro: Để kiểm soát rủi ro này, KIS Việt Nam lựa chọn cổ phiếu cơ sở như sau:
  - + Cổ phiếu cơ sở có tỷ lệ (Số lượng cổ phiếu còn lại nhà đầu tư nước ngoài có thể mua / Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng) cao hơn 10% vào thời điểm tính toán.
  - + Cổ phiếu cơ sở không có thông tin sự kiện doanh nghiệp liên quan đến hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trong tương lai gần mà có thể tác động lên room nước ngoài của cổ phiếu cơ sở đó.
  - + Cổ phiếu cơ sở có số lượng cổ phiếu còn lại nhà đầu tư nước ngoài có thể mua cao hơn nhiều lần số lượng chứng khoán cơ sở phù hợp với vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết mà KIS Việt Nam phải mua với giá định là khi chứng quyền phát hành trong

trạng thái cố lõi, kể cả khi hệ số delta của chứng quyền mua là 1, dựa trên công thức đã nêu trong phương án phòng ngừa rủi ro đã gửi cơ quan quản lý.

- Phương án xử lý khi xảy ra trường hợp room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột:
  - + KIS Việt Nam sẽ gửi công văn giải trình đến các cơ quan quản lý khi xảy ra trường hợp room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro.
  - + KIS Việt Nam sẽ nạp tiền vào tài khoản tự doanh dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro tương ứng với số tiền chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và phòng ngừa rủi ro thực tế.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2020

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



6  
**BẢN SAO**

**HỢP ĐỒNG  
DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀI SẢN KÝ QUỸ  
BẢO ĐẢM THANH TOÁN**

Số: ~~CT/33.6373.1.0/TT/BIDV-KIS~~

**GIỮA**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM  
(TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM)**

**VÀ**

**NGÂN HÀNG TMCP ĐT&PT VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHƠI  
NGHĨA  
(NGÂN HÀNG LƯU KÝ)**

TP. HCM, THÁNG ... .. NĂM ... ..

# HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀI SẢN KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THANH TOÁN

Hợp đồng dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán (“Hợp Đồng”) được ký kết vào ngày 15. tháng 12. năm 2019 bởi và giữa các bên:

## **BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**

Giấy phép thành lập số: 56/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cấp ngày 05 tháng 07 năm 2007

Địa chỉ: Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028.39148585

Fax: 028.38216899

Đại diện : Park Won Sang

Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**” hoặc “**KIS**” hoặc “**Tổ Chức Phát Hành**”)

Và

## **BÊN B: NGÂN HÀNG TMCP ĐT&PT VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỶ KHƠI NGHĨA**

Giấy ĐKKD: 0100150619079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 09/05/2012

Giấy phép HĐLK: 16/GPHĐLK do UBCKNN cấp ngày 14/05/2003

Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38218812

Fax: 028.39144714

Đại diện:

PHÓ GIÁM ĐỐC

Chức vụ:

*Trần Thị Kim*

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**” hoặc “**BIDV – Nam Kỳ Khởi Nghĩa**” hoặc “**Ngân hàng lưu ký**”)

### **XÉT RÀNG:**

- (a) Bên A là Công ty Chứng khoán sẽ thực hiện đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm trong tháng 3. năm 2020 và hiện có mong muốn ký quỹ tài sản để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Bên A tại một ngân hàng lưu ký phù hợp theo quy định của Pháp luật Việt Nam;
- (b) Bên B là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam, có giấy phép hoạt động lưu ký do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp sẵn sàng cung cấp các dịch vụ đáp ứng yêu cầu của Bên A phù hợp theo quy định của Pháp luật;

**NAY, VÌ VẬY,** Các Bên đồng ý ký kết “Hợp Đồng” này với các điều khoản và điều kiện sau đây:



## 1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Trong phạm vi “**Hợp Đồng**” này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

- “**Người Sở Hữu Chứng Quyền**” là các cá nhân, tổ chức (Nhà đầu tư) sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ Chức Phát Hành và không phải là Tổ Chức Phát Hành chứng quyền.
- “**Tài sản ký quỹ**” là tiền gửi hoặc chứng chỉ tiền gửi của Tổ Chức Phát Hành được ký quỹ tại Bên B theo Điều 2.a Hợp đồng này. Tài sản ký quỹ này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của Tổ Chức Phát Hành hay của bất của bên thứ ba khác.
- “**Danh sách Người Sở Hữu Chứng Quyền**” là danh sách do Tổ chức phát hành gửi cho Ngân hàng lưu ký có đầy đủ thông tin của Người Sở Hữu Chứng Quyền.

## 2. MỤC ĐÍCH VÀ THỜI HẠN KÝ QUỸ

- Số tiền ký quỹ/Giá trị của chứng chỉ tiền gửi ký quỹ dự kiến: **2.850.000.000 VND** (Bằng chữ: Hai tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng).
- Hình thức ký quỹ: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Bên A gửi tại Bên B có thông tin như sau:

Số seri hợp đồng	Số tiền (đồng)	Số tiền bằng chữ	Kỳ hạn	Ngày gửi	Ngày đáo hạn	Số hợp đồng
1191 0000 727701	2.850.000.000	Hai tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng	219 ngày	10/03/2020	15/10/2020	232/2020/HDTG-DCTC

- Mục đích ký quỹ: Ký quỹ đảm bảo khả năng thanh toán cho đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm của KIS Việt Nam có thông tin như sau:

STT	Thông tin	Chứng quyền
1	Tên chứng quyền	Chứng quyền.STB.KIS.M.CA.T.04
2	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	STB
3	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
4	Loại chứng quyền	Mua
5	Kiểu chứng quyền	Châu Âu
6	Phương thức thanh toán thực hiện quyền	Tiền
7	Thời hạn	5 tháng
8	Tỷ lệ chuyển đổi	1:1
9	Giá thực hiện (đồng)	Trong khoảng cao hơn 15% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành
10	Giá chào bán cao nhất dự kiến	1.900 đồng/chứng quyền

11	Giá chào bán thấp nhất dự kiến	1.100 đồng/chứng quyền
12	Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	3.000.000
13	Giá trị chào bán dự kiến (đồng)	5.700.000.000
14	Tài sản bảo đảm thanh toán	Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký
15	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến (đồng)	2.850.000.000
16	Thời gian thông báo chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền
17	Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Trong vòng 05 ngày làm việc
18	Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

d) Thời hạn ký quỹ: 5 tháng tính từ ngày Bên A chào bán chứng quyền có bảo đảm.

### 3. PHÍ DỊCH VỤ, CÁCH TÍNH VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

a) Bên A sẽ thanh toán cho Bên B về việc cung cấp dịch vụ theo quy định tại Hợp đồng này với mức Phí dịch vụ cụ thể như sau:

- **Mức phí dịch vụ:** 1%/năm, tối thiểu 1.000.000 VND/tháng, tối đa 5.000.000 VND/tháng.

(Đây là mức Phí dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ được Bên B thu hàng tháng theo quy định Biểu phí của Bên B công bố tại thời điểm ký Hợp đồng này).

- Công thức tính Phí dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ: Số tiền ký quỹ nhân (x) với số ngày ký quỹ thực tế nhân (x) mức Phí dịch vụ chia (:) cho 365 ngày.

b) Ngoài mức Phí dịch vụ nêu trên, Bên A uỷ quyền cho Bên B thu các loại phí: Phí chuyển tiền, phí duy trì tài khoản, phí thông báo/gửi sao kê, phí dịch vụ ngân hàng khác (Đây là phí dịch vụ ngân hàng được Bên B thu trên từng giao dịch/hoạt động phát sinh của Bên A theo quy định Biểu phí của Bên B trong từng thời kỳ).

c) Hàng tháng, Bên A uỷ quyền cho Bên B được tự động trích tài khoản tiền gửi số 11910000.100977 của Bên A mở tại bên B để thu Phí dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ.

### 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

a) Thực hiện ký quỹ Tài sản ký quỹ để bảo đảm khả năng thanh toán cho đợt phát hành chứng quyền và duy trì tối thiểu 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã huỷ niêm yết;

- b) Khi có bất kỳ sự thay đổi liên quan đến giá trị Tài sản ký quỹ của Bên A, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B để Bên B thực hiện nghĩa vụ báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan;
- c) Thực hiện ký quỹ bổ sung để đáp ứng tỷ lệ ký quỹ tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- d) Thực hiện chứng quyền bằng tài sản ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký: thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền bằng tiền và/ hoặc sử dụng chính Tài sản ký quỹ để chi trả cho Người Sở Hữu Chứng Quyền, cụ thể:
  - Lập Giấy đề nghị giải toả tài sản ký quỹ gửi Bên B theo mẫu tại Phụ lục 01;
  - Lập và gửi Bên B danh sách Người Sở Hữu Chứng Quyền theo mẫu tại Phụ lục 02: dưới định dạng File Microsoft Excel đồng thời với Danh sách có đầy đủ chữ ký và đóng dấu của Bên A.
- e) Được Bên B hoàn trả Tài sản ký quỹ sau khi trừ Phí dịch vụ, phí dịch vụ ngân hàng và số tiền Bên B đã thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền (nếu có);
- f) Được Bên B bồi thường thiệt hại mà do lỗi của Bên B gây ra;
- g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

#### 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- a) Bên B thực hiện phong toả/giải toả Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Bên A gửi tại Bên B có thông tin như sau:

Số seri hợp đồng	Số tiền (đồng)	Số tiền bằng chữ	Kỳ hạn	Ngày gửi	Ngày đáo hạn	Số hợp đồng
1191 0000 727701	2.850.000.000	Hai tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng	219 ngày	10/03/2020	15/10/2020	232/2020/HĐTĐ-DCTC

- b) Lưu giữ Hợp đồng tiền/Chứng chỉ tiền gửi (nếu có);
- c) Quản lý tách biệt Tài sản ký quỹ với tài sản khác của Bên A, và các tài sản khác của Bên B;
- d) Hoàn trả Tài sản ký quỹ cho Bên A sau khi trừ Phí dịch vụ, phí dịch vụ ngân hàng và số tiền Bên B đã thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền (nếu có);
- e) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền liên quan đến hoạt động của Tổ chức phát hành;
- f) Xác nhận báo cáo do Tổ chức phát hành lập có liên quan đến Tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán;
- g) Báo cáo UBCKNN khi phát hiện Tổ chức phát hành chứng quyền vi phạm pháp luật;
- h) Thực hiện chứng quyền cho Bên A:
  - Căn cứ vào Giấy đề nghị giải toả tài sản ký quỹ, Bên B thực hiện giải toả Tài sản ký quỹ;
  - Căn cứ vào Thông báo và Danh sách Người Sở Hữu Chứng Quyền từ Tổ chức phát hành, Bên B thực hiện chuyển tiền theo đề nghị của Bên A.
- i) Trường hợp Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và/hoặc không đầy đủ

theo thông báo/dề nghị của Bên A gây thiệt hại cho Người Sở Hữu Chứng Quyền và/hoặc Bên A thì Bên B phải bồi thường các thiệt hại phát sinh (nếu có) cho Bên A hoặc/và Người Sở Hữu Chứng Quyền.

- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

#### **6. PHƯƠNG THỨC XỬ LÝ TÀI SẢN KÝ QUỸ**

- a) Trường hợp Bên A sử dụng Tài sản ký quỹ để thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền: Ngân hàng dựa trên thông báo của Tổ Chức Phát Hành và Danh Sách Người Sở Hữu Chứng Quyền theo mẫu tại Phụ lục 02 để thực hiện chuyển tiền thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền;
- b) Việc Ngân hàng thực hiện theo nội dung tại Khoản a Điều này là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận của các Bên và Tổ chức phát hành cam kết không tiến hành bất kỳ các thủ tục tố tụng nào đối với Ngân hàng lưu ký về việc thực hiện xử lý Tài sản ký quỹ theo phương thức nêu trên.
- c) Những tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện xử lý Tài sản ký quỹ, Tổ chức phát hành sẽ làm việc trực tiếp với Người Sở Hữu Chứng Quyền để giải quyết, trừ trường hợp do lỗi hệ thống/nhân sự của Bên B gây ra.

#### **7. HOÀN TRẢ TÀI SẢN KÝ QUỸ**

Bên A được nhận lại Tài sản ký quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Trường hợp chứng quyền đến ngày đáo hạn: Tổ chức phát hành đề nghị Ngân hàng lưu ký thực hiện giải toả và nhận lại Tài sản ký quỹ;
- b) Trường hợp chứng quyền huỷ niêm yết trước ngày đáo hạn: Dựa vào thông báo/văn bản của UBCKNN và/hoặc Sở giao dịch chứng khoán và/hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Tổ chức phát hành gửi văn bản đề nghị sang Ngân hàng lưu ký để thực hiện thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền (nếu cần).

#### **8. LUẬT ÁP DỤNG, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- a) Hợp đồng này được lập và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
- b) Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng này sẽ được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng giữa hai Bên. Trường hợp không thương lượng được, các Bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp.

#### **9. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

- a) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được tự động thanh lý khi hai Bên hoàn tất việc hoàn trả Tài sản ký quỹ theo Điều 7 Hợp đồng này. Trường hợp cần thiết, một Bên có thể yêu cầu lập Biên bản thanh lý Hợp đồng này.
- b) Việc sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này phải được cả hai Bên đồng ý và lập thành văn bản do đại diện có thẩm quyền của các Bên ký, đóng dấu. Những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung các điều khoản tương ứng trong Hợp đồng và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

- c) Các văn bản, tài liệu liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
- d) Hợp đồng này được lập làm 10 (mười) bản, có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 08 (tám) bản và Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Park Won Sang

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
Trần Thị Kim

**Văn Phòng Công Chứng Bến Thành**  
97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1  
**CHỨNG THỰC BẢN SAO**  
**ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 023138, Quyển số: 01/SCT/  
Ngày: 03-07-2020

Công chứng viên



*Nguyễn Ngọc Sơn*

Công ty chứng khoán.....

Số:...

**Đề nghị giải toả tài sản ký quỹ**

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Nam Kỳ  
Khởi Nghĩa

Căn cứ vào .....

Công ty chúng tôi đề nghị Ngân hàng lưu ký thực hiện giải toả số tiền ký quỹ như sau:

Số tiền ký quỹ:

Số tài khoản:

Mục đích: Thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền/hoàn trả Tài sản ký quỹ cho Tổ  
chức phát hành.

Trân trọng!

Công ty chứng khoán.....

**PHỤ LỤC 02**

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN.....**

Số:.....

**DANH SÁCH NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN**

Kính gửi : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Công ty chứng khoán ..... gửi đến Ngân hàng lưu ký danh sách Người Sở Hữu Chứng Quyền như sau :

STT	HỌ VÀ TÊN	TÀI KHOẢN GIAO DỊCH		SỐ LƯỢNG CW NAM GIỮ	SỐ TIỀN THANH TOÁN	TÀI KHOẢN NHẬN TIỀN THANH TOÁN		GHI CHÚ
		SỐ TÀI KHOẢN	LOẠI TÀI KHOẢN			SỐ TÀI KHOẢN	TÊN NGÂN HÀNG	
1								
2								
3								
4								
<b>CỘNG</b>								
<b>TỔNG CỘNG</b>								

Công ty chứng khoán .....







CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TÀI SẢN KÝ QUỸ BẢO ĐẢM  
THANH TOÁN**

**Số: 07.1726877/2020/TT/BIDV-KIS**

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán số: 07.1726877/2020/TT/BIDV-KIS ngày 13/03/2020 giữa Công ty Cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, chúng tôi gồm có:

**Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**

Địa chỉ : Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028. 3914 858

Fax:028.3821 6899

Đại diện : Park Won Sang

Chức vụ: Tổng giám đốc

**Bên B: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM, CHI  
NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA**

Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028.38218812

Fax: 028.38218813

Đại diện :

Chức vụ: **Phó Giám đốc**

Hai bên thống nhất ký kết Phụ lục Hợp đồng dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán số: 07.1726877/2020/TT/BIDV-KIS ngày 03/07/2020 với nội dung như sau:

Sửa đổi Điều 2: “MỤC ĐÍCH VÀ THỜI HẠN KÝ QUỸ” của Hợp đồng dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán số: 07.1726877/2020/TT/BIDV-KIS ngày 13/03/2020 như sau:

**2. MỤC ĐÍCH VÀ THỜI HẠN KÝ QUỸ**

- a) Số tiền ký quỹ/Giá trị của chứng chỉ tiền gửi ký quỹ dự kiến: **4.850.000.000 VND** (Bằng chữ: **Bốn tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng**).
- Đợt 1: 2.850.000.000 VND (Bằng chữ: Hai tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng)
  - Đợt 2: 2.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai tỷ đồng)

b) Hình thức ký quỹ: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Bên A gửi tại Bên B có thông tin như sau:

Số seri hợp đồng	Số tiền (đồng)	Số tiền bằng chữ	Kỳ hạn	Ngày gửi	Ngày đáo hạn	Số hợp đồng
11910000727701	2.850.000.000	Hai tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng	219 ngày	10/03/2020	15/10/2020	232/2020/HĐTGDCTC
11910000743637	2.000.000.000	Hai tỷ đồng	85 ngày	02/07/2020	25/09/2020	860/2020/HĐTGDCTC
<b>TỔNG</b>	<b>4.850.000.000</b>	<b>Bốn tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng</b>				

c) Mục đích ký quỹ: Ký quỹ đảm bảo khả năng thanh toán cho đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm của KIS Việt Nam có thông tin như sau:

STT	Thông tin	Chứng quyền
1	Tên chứng quyền	Chứng quyền.STB.KIS.M.C.A.T.04
2	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	STB
3	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
4	Loại chứng quyền	Mua
5	Kiểu chứng quyền	Chấu Âu
6	Phương thức thanh toán thực hiện quyền	Tiền
7	Thời hạn	05 tháng
8	Tỷ lệ chuyển đổi	1:1
9	Giá thực hiện (đồng)	11.111
10	Giá đóng cửa ngày 02/07/2020	1.460 đồng/chứng quyền
11	Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán bổ sung	3.000.000
12	Tổng giá trị của chứng quyền tính đến hết ngày 02/07/2020 (bao gồm chứng quyền niêm yết và chưa niêm yết) (đồng)	8.760.000.000
13	Tài sản bảo đảm thanh toán	Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký
14	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán (bao gồm chứng quyền niêm yết và chưa niêm yết) (đồng)	4.850.000.000
15	Ngày chào bán chứng quyền lần đầu	16/04/2020

16	Ngày niêm yết lần đầu	11/05/2020
----	-----------------------	------------

d) Thời hạn ký quỹ: 5 tháng tính từ ngày Bên A chào bán chứng quyền có bảo đảm.

Các điều khoản khác của Hợp đồng dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán số: 07.1726877/2020/TT/BIDV-KIS ngày 13/03/2020 ký giữa Công ty Cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa giữ nguyên không thay đổi.

Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán số: 07.1726877/2020/TT/BIDV-KIS ngày 13/03/2020 ký giữa Công ty Cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 09 bản gốc, có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 08 (tám) bản và Bên B giữ 01 (một) bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

(Họ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Park Won Sang

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

(Họ tên, chức vụ, ký và đóng dấu nếu có)



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
Trần Thị Nim





**BẢN SAO**

true friend **KIS** Viet Nam  
Securities Corporation

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**  
Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM  
T (+84 28) 3914 8585 F (+84 28) 3921 6898

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**

# **ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 06 năm 2020



**MỤC LỤC**  
**CĂN CỨ PHÁP LÝ**  
**CHƯƠNG I**

<b>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>7</b>
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	7
Điều 2. Tên gọi, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời gian hoạt động của Công ty.....	8
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật.....	9

**CHƯƠNG II**

<b>MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY.....</b>	<b>10</b>
Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh.....	10
Điều 5. Mục tiêu hoạt động.....	10
Điều 6. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán.....	10
Điều 7. Quyền hạn của Công ty.....	11
Điều 8. Nghĩa vụ của công ty.....	11
Điều 9. Các quy định hạn chế.....	14

**CHƯƠNG III**

<b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG.....</b>	<b>16</b>
---	-----------

**Mục 1**

<b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....</b>	<b>16</b>
Điều 10. Vốn điều lệ.....	16
Điều 11. Cổ phần.....	16
Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông.....	17
Điều 13. Cổ phiếu.....	17
Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần.....	18
Điều 15. Mua lại cổ phần.....	18
Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ.....	19
Điều 17. Phát hành trái phiếu.....	19
Điều 18. Vốn đi vay và các loại vốn khác.....	18
Điều 19. Phát hành chứng quyền có bảo đảm và quyền của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm.....	20

**Mục 2**

<b>CỔ ĐÔNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG.....</b>	<b>19</b>
--	-----------

Điều 20. Cổ đông của Công ty .....	20
Điều 21. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông .....	19
Điều 22. Quyền của cổ đông.....	19
Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông.....	21

#### CHƯƠNG IV

<b>CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY.....</b>	<b>22</b>
Điều 24. Bộ máy quản trị Điều hành của Công ty.....	22

##### Mục 1

<b>ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....</b>	<b>22</b>
Điều 25. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 26. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông .....	23
Điều 27. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	24
Điều 28. Mời họp đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 29. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 30. Quyền dự họp đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 31. Điều kiện, thể thức tiến hành họp đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 32. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	31
Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	32
Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	33
Điều 35. Biên bản họp đại hội đồng cổ đông .....	33

##### Mục 2

<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>34</b>
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ Hội đồng quản trị.....	34
Điều 37. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	35
Điều 38. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị .....	36
Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	36
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Điều 41. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị và biên bản họp Hội đồng quản trị .....	38
Điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị .....	40
Điều 43. Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị.....	41

##### Mục 3



<b>TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....</b>	<b>42</b>
Điều 44. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Ban Giám đốc; quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Giám đốc.....	42
Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	42
Điều 46. Quyền lợi và trách nhiệm của các thành viên Ban Giám đốc.....	43
Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc Công ty.....	44
Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	44
Điều 49. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban giám đốc.....	45
<b>Mục 4</b>	
<b>BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>46</b>
Điều 50. Số lượng, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên.....	46
Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên.....	46
Điều 52. Nghĩa vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.....	47
Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	49
Điều 54. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban kiểm soát.....	50
<b>CHƯƠNG V</b>	
<b>THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỜNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT VIÊN.....</b>	<b>50</b>
Điều 55. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty.....	50
Điều 56. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên.....	50
<b>CHƯƠNG VI</b>	
<b>TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN.....</b>	<b>51</b>
Điều 57. Trách nhiệm của người quản lý.....	51
Điều 58. Các tranh chấp có thể xảy ra.....	51
Điều 59. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp.....	52
Điều 60. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	52
Điều 61. Chế độ báo cáo và công bố thông tin.....	53
<b>CHƯƠNG VII</b>	
<b>QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN.....</b>	<b>54</b>
Điều 62. Năm tài chính.....	54
Điều 63. Hệ thống kế toán.....	54
Điều 64. Chế độ tài chính.....	54

Điều 65. Kiểm toán.....	55
Điều 66. Phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức và lập quỹ .....	55
Điều 67. Trích lập các quỹ theo quy định.....	56
Điều 68. Xử lý lỗ trong kinh doanh.....	56

#### CHƯƠNG VIII

<b>TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY.....</b>	<b>56</b>
Điều 69. Tổ chức lại Công ty.....	56
Điều 70. Giải thể công ty .....	56
Điều 71. Phá sản công ty.....	57
Điều 72. Ban thanh lý.....	57

#### CHƯƠNG IX

<b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ.....</b>	<b>58</b>
Điều 73. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ.....	58
Điều 74. Chế độ lưu trữ tài liệu của công ty.....	58

#### CHƯƠNG X

<b>HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>59</b>
Điều 75. Hiệu lực thi hành.....	59

**CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và có hiệu lực ngày 01/01/2007, Luật số 62/2010/QH12 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.

Chúng tôi gồm pháp nhân và thể nhân có tên sau đây, cùng đồng ý thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) hoạt động tuân theo Luật doanh nghiệp và Luật Chứng khoán dưới hình thức công ty cổ phần và các điều khoản của Bản điều lệ này:

STT	Tên giao dịch/Họ tên	Giấy Chứng nhận ĐKKD/CMND	Địa chỉ trụ sở chính/Nơi ở	Số tiền tham gia góp vốn
1	Tập Đoàn Dệt May Việt Nam - Vinatex Đại diện bởi: Ông Lê Quốc Ân - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.	- Quyết định Thành lập Công ty Mẹ – Tập đoàn Dệt may Việt Nam. - Quyết định số 316/2005/QĐ-TTg Ngày 2/12/2005. Do Phó Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng ký.	- 25 Bà Triệu – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội, Việt Nam	Góp 29.700.000.000 đồng, tương đương 22% vốn Điều lệ
2	Ông Trần Văn Ái (Thẻ nhân)	- Giấy CMND số 023653152 cấp ngày 17/07/1998 tại Công An Tp.HCM	- 139 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1. Tp.HCM	Góp 18.200.000.000 đồng, tương đương 13,48% vốn Điều lệ
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hà (Thẻ nhân)	- Giấy CMND số 022750469 cấp ngày 28/08/1989 tại Công An Tp.HCM	- 102 Thân Nhân Trung, Phường 13, Quận Tân Bình. Tp.HCM	Góp 11.500.000.000 đồng, tương đương 8,52% vốn Điều lệ

4	Cổ đông Góp vốn	- Theo danh sách Cổ đông góp vốn đính kèm		Góp 75.600.000.000 đồng, tương đương 56% vốn Điều lệ
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>135.000.000.000 đồng</b>

Danh sách Cơ cấu Cổ đông vào ngày có hiệu lực của Điều lệ này:

T	Tên giao dịch/Họ tên	Giấy Chứng nhận ĐKKD/CMND	Địa chỉ trụ sở chính/Nơi ở	Số tiền tham gia góp vốn
1	Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc	- GPKD số 116-81-04504 do Phòng thuế Quận Yeongdungpo cấp ngày 08/8/1974	27-1 Yeouido-dong, yeongdeungpo-gu, Seoul, Republic of Korea.	Góp 2.589.172.810.000 đồng tương đương 99,725% vốn Điều lệ
2	Cổ đông Góp vốn	- Theo danh sách Cổ đông Công ty		Góp 7.143.240.000 đồng tương đương 0,275% vốn Điều lệ
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.596.316.050.000 đồng</b>

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

- 1.1 Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của bản Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
- 1.1.1 **“Công ty”** là Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam (KIS Vietnam Securities Corporation).
- 1.1.2 **“Ngày thành lập Công ty”** là ngày mà Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- 1.1.3 **“Vốn điều lệ”** là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần mà Công ty đã phát hành, đã được các cổ đông thanh toán đủ và được ghi trong bản Điều lệ của Công ty.
- 1.1.4 **“Cổ đông”** là thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần của Công ty.
- 1.1.5 **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành.
- 1.1.6 **“Người quản lý Công ty”** bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này.
- 1.1.7 **“Người có liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.
- 1.1.8 **“Chứng khoán”** là bằng chứng xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với tài sản hoặc phần vốn của tổ chức phát hành. Chứng khoán được thể hiện dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử, bao gồm các loại sau đây:  
- Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ;  
- Quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng tương lai, nhóm chứng khoán hoặc chỉ số chứng khoán.
- 1.1.9 **“Cổ phiếu”** là một loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần trong Công ty.
- 1.1.10 **“Trái phiếu”** là một loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn nợ của tổ chức phát hành.
- 1.1.11 **“Cổ tức”** là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- 1.1.12 **“Pháp luật”** có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Công ty.
- 1.1.13 **Luật chứng khoán** là luật chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- 1.1.14 **Luật doanh nghiệp** là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- 1.1.15 **“UBCKNN”** được hiểu là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 1.2 Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

- 1.3 Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

**Điều 2. Tên gọi, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời gian hoạt động của Công ty**

2.1 Tên Công ty

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**
- Tên Giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**
- Tên bằng Tiếng Anh: **KIS VIET NAM SECURITIES CORPORATION**
- Tên viết tắt: **KIS**

2.2 Hình thức pháp lý của Công ty:

Công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2.3 Trụ sở Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: tầng 3, số 180-192 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-28) 39148585 Fax: (84-28) 38216898
- Địa chỉ trang web: [www.kisvn.vn](http://www.kisvn.vn)

Việc thay đổi trụ sở chính phải tuân thủ theo Luật Chứng khoán và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2.4 Mạng lưới hoạt động:

- 2.4.1 Công ty có thể thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước để thực hiện các Mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị trong phạm vi pháp luật cho phép;
- 2.4.2 Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
- 2.4.3 Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCKNN chấp thuận;
- 2.4.4 Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.
- 2.4.5 Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều lệ này.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật**

- 3.1 Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn,

- bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 3.2 Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc đồng thời là người chịu toàn bộ trách nhiệm về các hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều 45, Điều lệ này.
- 3.3 Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.
- 3.4 Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3.3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 3.5 Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 3.6 Trong một số trường hợp đặc biệt người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

## CHƯƠNG II

### MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY

#### Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

- 4.1 Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty gồm:
- Môi giới chứng khoán;
  - Tự doanh chứng khoán;
  - Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
  - Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- 4.2 Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 4.1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.
- 4.3 Công ty có thể tiến hành bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Khoản 4.1 Điều này sau khi được UBCKNN chấp thuận.
- 4.4 Công ty có thể tiến hành bất kỳ hình thức kinh doanh nào khác được pháp luật cho phép.
- 4.5 Công ty có phạm vi hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 5. Mục tiêu hoạt động**

- 5.1 Mục tiêu hoạt động: Công ty được thành lập để hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, đầu tư tài chính, với mục tiêu thu lợi nhuận; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.
- 5.2 Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự phê duyệt thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 6. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán**

- 6.1 Tuân thủ pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan;
- 6.2 Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực;
- 6.3 Ban hành và tuân thủ các quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty;
- 6.4 Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật;
- 6.5 Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng;
- 6.6 Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- 6.7 Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

**Điều 7. Quyền hạn của Công ty**

- 7.1 Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.
- 7.2 Quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông góp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty theo Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- 7.3 Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép;
- 7.4 Ưu tiên sử dụng lao động trong nước (người Việt Nam), bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định pháp luật;
- 7.5 Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định;
- 7.6 Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích và nội dung hoạt động của Công ty và theo quy định của pháp luật;
- 7.7 Sử dụng ngoại tệ thu được theo chế độ hiện hành về quản lý ngoại hối;
- 7.8 Có quyền đề nghị khách hàng cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh khi có quyết định quan hệ giao dịch với khách hàng và có quyền từ chối các quan hệ đó nếu thấy trái pháp luật, không đem lại hiệu quả hoặc không có khả năng thực hiện;



- 7.9 Từ chối hoặc tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;
- 7.10 Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

#### **Điều 8. Nghĩa vụ của công ty**

##### **8.1 Nguyên tắc chung:**

- 8.1.1 Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- 8.1.2 Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã đăng ký;
- 8.1.3 Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan; bảo đảm hoạt động của Công ty và nhân viên của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế, quy trình của Công ty;
- 8.1.4 Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- 8.1.5 Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
- 8.1.6 Tuân thủ các quy định về tỉ lệ mức vốn khả dụng tối thiểu, về hạn mức đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành của một công ty khác, về mức giới hạn của giá trị bảo lãnh phát hành chứng khoán... đã được quy định trong các văn bản pháp lý hiện hành về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán;
- 8.1.7 Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty;
- 8.1.8 Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của công ty;
- 8.1.9 Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
- 8.1.10 Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- 8.1.11 Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
- 8.1.12 Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- 8.1.13 Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định;
- 8.1.14 Tuân thủ các nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

##### **8.2 Nghĩa vụ đối với cổ đông:**

- 8.2.1 Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;
- 8.2.2 Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- 8.2.3 Không được thực hiện các hành vi sau:
- a) Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cố tức cố định);

- b) Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;
  - c) Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc, kế toán trưởng, thành viên Ban kiểm soát các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
  - d) Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;
  - e) Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: Quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác;
- 8.2.4 Nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- 8.3 Nghĩa vụ đối với khách hàng:**
- 8.3.1 Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
  - 8.3.2 Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;
  - 8.3.3 Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;
  - 8.3.4 Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;
  - 8.3.5 Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;
  - 8.3.6 Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
  - 8.3.7 Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
  - 8.3.8 Giao dịch trung thực và công bằng, vì lợi ích của khách hàng;
  - 8.3.9 Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
  - 8.3.10 Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
  - 8.3.11 Bảo mật thông tin của khách hàng;

- a) Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;
- b) Quy định tại Điểm a nêu trên không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
  - Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
  - Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ;
  - Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

8.3.12 Nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

## **Điều 9. Các quy định hạn chế**

### **9.1 Quy định hạn chế đối với Công ty**

- 9.1.1 Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
- 9.1.2 Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
- 9.1.3 Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCKNN chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;
- 9.1.4 Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
- 9.1.5 Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
- 9.1.6 Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
- 9.1.7 Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- 9.1.8 Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
- 9.1.9 Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;
- 9.1.10 Các quy định khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

### **9.2 Quy định hạn chế đối với người hành nghề chứng khoán:**

- 9.2.1 Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc được cử vào Ban quản lý công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:
  - a) Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;
  - b) Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ khác;

- c) Đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết.
- 9.2.2 Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán;
- 9.2.3 Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chứng khoán là người thay mặt cho Công ty để thực hiện các giao dịch với khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chứng khoán. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản;
- 9.2.4 Các quy định khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- 9.3 **Quy định hạn chế đối với thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc:**
- 9.3.1 Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;
- 9.3.2 Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên, người quản lý của công ty chứng khoán khác;
- 9.3.3 Tổng Giám đốc, Giám đốc các khối không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
- 9.3.4 Các quy định khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

**CHƯƠNG III**  
**VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG**  
**Mục 1**  
**VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**

**Điều 10. Vốn điều lệ**

- 10.1 Vốn điều lệ của Công ty là 2.596.316.050.000 đồng (Hai nghìn năm trăm chín mươi sáu tỷ ba trăm mười sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).
- 10.2 Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật.

**Điều 11. Cổ phần**

- 11.1 Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia làm 259.631.605 (Hai trăm năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một nghìn sáu trăm lẻ năm) cổ phần phổ thông. Mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 (mười ngàn) đồng.
- 11.2 Các loại cổ phần của công ty:
- Cổ phần phổ thông: 259.631.605 cổ phần;
  - Cổ phần ưu đãi cổ tức: 0 cổ phần;
  - Cổ phần ưu đãi hoàn lại: 0 cổ phần;

- Cổ phần ưu đãi khác: 0 cổ phần;
- 11.3 Cổ phần phổ thông: Công ty có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết.
- 11.4 Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu mười lăm (15) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.
- 11.5 Cổ phần ưu đãi: Tùy theo tình hình thị trường tài chính và sử dụng vốn của Công ty, Hội đồng quản trị có thể kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông để quyết định phát hành thêm cổ phần ưu đãi như: cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại cổ phần ưu đãi khác. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng, loại cổ phần ưu đãi, đặc điểm của từng loại cổ phần ưu đãi, những người được quyền mua cổ phần ưu đãi; cách thức, tỉ lệ chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông.

#### **Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông**

- 12.1 Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông ngay từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- 12.2 Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
- 12.3 Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 12.4 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và/hoặc tại Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam.
- 12.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện.

#### **Điều 13. Cổ phiếu**

- 13.1 Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công ty.
- 13.2 Chứng nhận Cổ phiếu của Công ty là Chứng nhận Cổ phiếu Ghi danh. Mỗi Chứng nhận Cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
- 13.3 Chứng nhận Cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- 13.4 Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
- 13.5 Nếu Chứng nhận Cổ phiếu bị mờ, hư hỏng hoặc mất thì cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và phải thanh toán mọi chi phí liên quan.
- 13.6 Đăng ký Cổ phiếu:
- 13.6.1 Chủ sở hữu Chứng nhận Cổ phiếu có ghi danh, bất kể tên đã được đề cập trong Chứng nhận Cổ phiếu, phải đăng ký thông tin về cổ đông vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 13.6.2 Người sở hữu cổ phần được cấp Chứng nhận Cổ phiếu theo quy định của Công ty về chuyển quyền sở hữu cổ phần hoặc theo quy định của điều khoản phát hành và phải thanh toán cho Công ty một khoản phí theo quy định (nếu có).
- 13.6.3 Chủ sở hữu cổ phần do chuyển nhượng, thừa kế, được tặng cho, nhận trả nợ bằng cổ phần chỉ trở thành cổ đông của Công ty kể từ thời điểm thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
- 13.5.4 Trường hợp Công ty trở thành công ty đại chúng hoặc cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì mọi hoạt động đăng ký Cổ phiếu sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần**

- 14.1 Cổ phần có thể được chuyển nhượng tự do, trừ trường hợp bị hạn chế theo quy định tại Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi thông qua phương án phát hành hoặc theo quy định của Pháp luật.
- 14.2 Cổ phần của Công ty được chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, nhận trả nợ bằng cổ phiếu theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
- 14.3 Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần chiếm từ 10% trở lên vốn Điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn Điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCKNN chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án.
- 14.4 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan đến số cổ phần này, bao gồm cả quyền nhận cổ tức.

#### **Điều 15. Mua lại cổ phần**

- 15.1 Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.
- 15.2 Các trường hợp mua lại cổ phần:
- 15.2.1 Mua lại theo yêu cầu của cổ đông:  
Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc: Tổ chức lại Công ty; sửa đổi,

bổ sung các nội dung trong Điều lệ Công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản và gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên. Hội đồng quản trị sẽ xem xét việc mua lại cổ phần này.

15.2.2 Mua lại theo quyết định của Công ty:

Công ty có thể mua lại không quá mười phần trăm (10%) số cổ phần phổ thông đã phát hành làm cổ phiếu quỹ. Việc mua lại cổ phần với tỷ lệ, cách thức, thủ tục do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

15.3 Điều kiện thanh toán cổ phần mua lại:

Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

15.4 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

**Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ**

16.1 Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của pháp luật.

16.2 Các hình thức tăng vốn điều lệ của Công ty:

16.2.1 Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật;

16.2.2 Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thương;

16.2.3 Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác để tăng vốn Điều lệ theo quy định của pháp luật;

16.2.4 Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công ty và chủ nợ: Các khoản nợ được phép hoán đổi phải là các khoản nợ đã được trình bày trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

16.2.5 Công ty chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu sau khi đáp ứng đủ Điều kiện chuyển đổi theo quy định của pháp luật;

16.2.6 Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

16.3 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần đối với số lượng cổ phần được quyền chào bán. Giá cổ phần được chào bán có thể cao hơn mệnh giá cổ phần nhưng không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán trừ cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ nắm giữ trong Công ty.

16.4 Đại hội đồng cổ đông quyết định giảm Vốn điều lệ của Công ty, nhưng phải bảo đảm điều kiện vốn pháp định theo quy định của pháp luật hiện hành.

16.5 Công ty không sử dụng Vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông của Công ty dưới bất kỳ hình thức nào. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, việc phân chia tài sản được thực hiện theo quy định của Điều lệ này và các quy định của Pháp luật về giải thể, phá sản doanh nghiệp.

**Điều 17. Phát hành trái phiếu**

- 17.1 Công ty có quyền phát hành Trái phiếu hoặc Trái phiếu chuyển đổi theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ này khi cần huy động vốn nhằm bổ sung vào nguồn vốn hoạt động của Công ty để phát triển kinh doanh.
- 17.2 Trường hợp Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán sau khi đáp ứng đủ Điều kiện chuyển đổi theo quy định của pháp luật.
- 17.3 Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, phương thức phát hành, thời điểm phát hành và giá chào bán trái phiếu, nhưng Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
- 17.4 Công ty thừa nhận các quyền của chủ sở hữu Trái phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

**Điều 18. Vốn đi vay và các loại vốn khác**

Công ty được vay vốn của các tổ chức tín dụng hoặc phát hành các loại chứng khoán nợ ra công chúng và các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật. Công ty được tiếp nhận vốn uỷ thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 19. Phát hành chứng quyền có bảo đảm và quyền của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm**

- 19.1 Căn cứ quy định của pháp luật và chấp thuận của UBCKNN, Công ty sẽ phát hành chứng quyền có bảo đảm và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm.
- 19.2 Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
- 19.3 Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty và có các quyền sau đây:
  - 19.3.1 Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty khi phát hành;
  - 19.3.2 Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết theo quy định pháp luật;
  - 19.3.3 Quyền chuyển nhượng, cho tặng, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp trong các quan hệ dân sự kinh tế theo quy định pháp luật;
  - 19.3.4 Quyền được ưu tiên thanh toán khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;
  - 19.3.5 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.



**Mục 2****CỔ ĐÔNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG****Điều 20. Cổ đông của Công ty**

Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty. Cá nhân, tổ chức chỉ trở thành cổ đông của Công ty khi đã thanh toán đủ tiền mua cổ phần và thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

**Điều 21. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông**

21.1 Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

21.2 Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được cổ đông thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo trừ trường hợp quy định tại Điều 30. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

21.3 Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất mười (10%) vốn điều lệ có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện và phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

21.4 Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền:

21.4.1 Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;

21.4.2 Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;

21.4.3 Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

**Điều 22. Quyền của cổ đông**

22.1 Tham dự và đưa ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện ủy quyền, hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông sẽ có một phiếu biểu quyết;

22.2 Được nhận cổ tức hằng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

22.3 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty trừ trường hợp phát hành cổ phiếu mới cho bên thứ ba không phải là cổ đông hiện hữu theo quyết định của Hội đồng quản trị.

22.4 Được chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế hoặc cầm cố cổ phần của Công ty theo Điều lệ Công ty và theo Pháp luật hiện hành.

- 22.5 Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, các nghĩa vụ phải thực hiện và hoàn trả cho các cổ đông ưu đãi (nếu có) theo Pháp luật;
- 22.6 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- 22.7 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 22.8 Trong trường hợp biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này, cổ đông được quyền yêu cầu Công ty mua lại số cổ phần do mình sở hữu theo các nguyên tắc sau:
- 22.8.1 Yêu cầu đó phải bằng văn bản và ghi rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần của từng loại, giá dự định bán, và lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu đó phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về vấn đề quy định tại khoản này.
- 22.8.2 Giá mua lại được tính trên cơ sở sau:
- Căn cứ vào số liệu của báo cáo tài chính được duyệt gần nhất, giá trị 1 cổ phần của Công ty được tính như sau:
- $$\text{Giá trị 1 cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu} - \text{Quỹ khen thưởng phúc lợi}}{\text{Tổng số cổ phần của Công ty}}$$
- Nguồn vốn chủ sở hữu là tổng số vốn của tất cả các cổ đông. Nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu; thặng dư vốn cổ phần; vốn khác của chủ sở hữu; cổ phiếu quỹ; chênh lệch đánh giá lại tài sản; chênh lệch tỷ giá hối đoái; quỹ đầu tư phát triển; quỹ dự phòng tài chính; quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận (hoặc lỗ) cộng dồn.
  - Trường hợp giá trị 1 cổ phần bằng hoặc cao hơn 10.000 đồng/cổ phần thì giá mua lại cổ phần của Công ty là 10.000 đồng/cổ phần.
  - Trường hợp giá trị 1 cổ phần thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần thì giá mua lại cổ phần của Công ty là giá trị 1 cổ phần được tính như trên.
- 22.8.3 Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Hội đồng quản trị phải xem xét và có ý kiến trả lời về đề nghị mua lại cổ phần của cổ đông.
- 22.9 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10) phần trăm số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền:
- 22.9.1 Đề cử người tham gia vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản;
- 22.9.2 Xem xét và trích lục sổ biên bản và nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và báo cáo của Ban kiểm soát.
- 22.9.3 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- (i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
  - (ii) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

22.9.4 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp, số giấy phép thành lập và hoạt động đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra...

22.9.5 Các quyền khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

22.10 Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

### **Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông**

23.1 Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các Khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số cổ phần sở hữu tại Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

23.2 Tuân thủ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

23.3 Tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

23.4 Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, uy tín Công ty, giữ bí mật các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.

23.5 Các cổ đông có trách nhiệm thông báo bằng văn bản chính thức cho Công ty biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình để Công ty có điều kiện chuyển thông báo và tài liệu khi có yêu cầu.

23.6 Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

23.6.1 Vi phạm Pháp luật;

- 23.6.2 Tiến hành kinh doanh hoặc các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 23.6.3 Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
- 23.7 Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải báo cáo cho Công ty và đăng ký với Ủy ban Chứng khoán trong thời hạn quy định của pháp luật, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.
- 23.8 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **CHƯƠNG IV** **CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY**

##### **Điều 24. Bộ máy quản trị Điều hành của Công ty**

- 24.1 Đại hội đồng cổ đông
- 24.2 Hội đồng quản trị
- 24.3 Tổng Giám đốc
- 24.4 Ban kiểm soát

#### **Mục 1** **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

##### **Điều 25. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông**

- 25.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
- 25.2 Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:
  - 25.2.1 Thông qua định hướng phát triển Công ty;
  - 25.2.2 Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - 25.2.3 Quyết định mức cổ tức của từng loại cổ phần;
  - 25.2.4 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - 25.2.5 Thông qua báo cáo định kỳ của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của Ban kiểm soát;
  - 25.2.6 Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - 25.2.7 Xem xét và xử lý các vi phạm của các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
  - 25.2.8 Quyết định việc tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty;
  - 25.2.9 Quyết định việc giải thể, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc tái cơ cấu Công ty;
  - 25.2.10 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - 25.2.11 Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
  - 25.2.12 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

**Điều 26. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông****26.1 Số lượng, thời gian, địa điểm họp**

26.1.1 Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

26.1.2 Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Công ty có thể đề nghị UBCKNN gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

**26.2 Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp sau:

26.2.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

26.2.2 Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn một nửa số thành viên theo quy định của Điều lệ này;

26.2.3 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 22.9 Điều lệ này thông qua một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông liên quan).

26.2.4 Theo yêu cầu của Ban kiểm soát khi phát sinh một trong số các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này;

b) Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

26.3 Thời hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại Khoản 26.2.2 Điều này hoặc ngày nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 26.2.4. Nếu Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị sẽ chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại xảy ra cho Công ty.

26.4 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 26.3 Điều này, trong thời hạn ba mươi (30) ngày từ ngày hết hạn như quy định tại khoản 26.3 Điều này, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, Trường Ban kiểm soát sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

26.5 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 26.4 Điều này, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 22.9 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

26.6 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu; xác định thời gian và địa điểm họp, Dự thảo nghị quyết của

Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định.

- 26.7 Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

**Điều 27. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

- 27.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông và phải lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông, dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- 27.2 Trong trường hợp Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 27.3 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- 27.4 Mỗi cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 27.5 Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.
- 27.6 Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định sau:
- 27.6.1 Cổ đông gửi văn bản đề nghị kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách Cổ đông tới trụ sở chính của Công ty. Văn bản đề nghị phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; mục đích kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách Cổ đông; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện.
- 27.6.2 Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, người quản lý Công ty phải bố trí địa điểm và cung cấp danh sách Cổ đông để cổ đông thực hiện việc kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao.
- 27.6.3 Việc kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông phải được thực hiện tại nơi Công ty lưu giữ danh sách cổ đông. Cổ đông có thể phải chịu chi phí trích lục và sao danh sách cổ đông.

**Điều 28. Mời họp đại hội đồng cổ đông**

- 28.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngày và nơi cấp giấy đăng ký kinh doanh; tên và địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- 28.2 Thông báo mời họp phải được gửi kèm các tài liệu sau:
- 28.2.1 Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- 28.2.2 Phiếu biểu quyết;
- 28.2.3 Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
- 28.3 Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc đã đăng ký của cổ đông. Việc gửi tài liệu họp đính kèm có thể thay thế bằng đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

**Điều 29. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

- 29.1 Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền thông qua các vấn đề sau bằng văn bản tại Đại hội thường niên và bất thường như sau:
- 29.1.1 Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- 29.1.2 Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần nào đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- 29.1.3 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- 29.1.4 Lựa chọn công ty kiểm toán;
- 29.1.5 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 29.1.6 Quyết định tổng số tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Báo cáo tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 29.1.7 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- 29.1.8 Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- 29.1.9 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty;
- 29.1.10 Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) công ty và chỉ định người thanh lý;
- 29.1.11 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và các cổ đông của Công ty;
- 29.1.12 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 29.1.13 Thông qua việc Tổng giám đốc đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- 29.1.14 Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của công ty
- 29.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
- 29.2.1 Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

- 29.2.2 Báo cáo tài chính hàng năm;
- 29.2.3 Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị;
- 29.2.4 Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc;
- 29.2.5 Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại (nếu có);
- 29.2.6 Tổng mức thù lao trả cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 29.2.7 Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- 29.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 22.9 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 29.4 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 29.3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - 29.4.1 Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; hoặc
  - 29.4.2 Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
  - 29.4.3 Kiến nghị không phù hợp với Điều lệ này hoặc các quy định của pháp luật.

### **Điều 30. Quyền dự họp đại hội đồng cổ đông**

- 30.1 Tất cả các cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông tự chịu trách nhiệm các chi phí ăn ở đi lại trong suốt quá trình dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Điều 21 Điều lệ này thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 30.2 Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
  - 30.2.1 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - 30.2.2 Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - 30.2.3 Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - 30.2.4 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, điện tử.
- 30.3 Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.
- 30.4 Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ này. Việc ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký của người được ủy quyền và cổ đông, có đóng dấu của cổ đông (đối với cổ đông là tổ chức). Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.



- 30.5 Việc ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp của cổ đông sẽ mất hiệu lực khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- 30.5.1 Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- 30.5.2 Người ủy quyền hủy bỏ việc ủy quyền và/hoặc thay thế người được ủy quyền;
- 30.5.3 Người ủy quyền đã giới hạn hoặc hủy bỏ một phần phạm vi ủy quyền của người được ủy quyền;
- Việc ủy quyền này vẫn có hiệu lực trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên ít hơn bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 31. Điều kiện, thể thức tiến hành họp đại hội đồng cổ đông**

- 31.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- 31.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 31.1 Điều này, thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 31.3 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 31.2 Điều này, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.
- 31.4 Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.
- 31.5 Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 31.6 Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch hội đồng quản trị làm chủ tọa. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc, thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ bầu một trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo đa số, trường hợp không ai có thể làm Chủ tọa cuộc họp thì trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- Trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo Điều 26.6 của Điều lệ này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa cử thư ký để lập biên bản đại hội, đề cử để Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu để kiểm tra phiếu biểu quyết và bầu cử tại Đại hội.
- 31.7 Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 31.8 Chủ tọa của Đại hội có thể tiến hành các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

- 31.9 Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội trong các trường hợp sau đây:
- 31.9.1 Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- 31.9.2 Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- 31.9.3 Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp lý.
- 31.10 Trường hợp chủ tọa tạm hoãn hoặc tạm dừng Đại hội cổ đông trái với quy định tại khoản 31.9 Điều này, Đại hội cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- 31.11 Thông qua chương trình và nội dung cuộc họp: Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 31.12 Đại hội cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.
- 31.13 Công bố kết quả kiểm phiếu: chủ tọa đại hội sẽ công bố kết quả kiểm phiếu sau khi Ban kiểm phiếu thực hiện xong nhiệm vụ kiểm phiếu tại đại hội.

### **Điều 32. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

- 32.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các cổ đông có quyền biểu quyết.
- 32.2 Đối với các vấn đề phải thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên được quy định tại Điều 29.2 của Điều lệ này thì chỉ được phép thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp và không được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- 32.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- 32.3.1 Các hợp đồng quy định tại Điều 29.1 này khi cổ đông đó hoặc người liên quan đến cổ đông đó là một bên của Hợp đồng
- 32.3.2 Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người liên quan đến cổ đông đó.
- 32.4 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự cuộc họp chấp thuận:
- 32.4.1 Loại cổ phần và tổng số cổ phần của mỗi loại;
- 32.4.2 Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- 32.4.3 Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- 32.4.4 Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 32.4.5 Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

- 32.5 Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 32.4 và khoản 32.6 Điều này.
- 32.6 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.
- 32.7 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.
- 32.8 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 32.9 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến các cổ đông có quyền dự họp trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày quyết định được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

**Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trừ trường hợp được quy định tại Điều 32.2 của Điều lệ này. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 33.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- 33.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và/hoặc phiếu bầu, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu khác để giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10 ngày) trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ này.
- 33.2.1 Phiếu lấy ý kiến phải được đóng dấu treo của Công ty và có các nội dung chủ yếu: (a) tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; (b) Mục đích lấy ý kiến, (c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực

- cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; (d) Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định; (e) Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến; (g) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; (h) Họ, tên, chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
- 33.2.2 Phiếu lấy ý kiến và/hoặc phiếu bầu đã được trả lời phải là phiếu có đóng dấu treo của Công ty và có chữ ký trực tiếp của cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông. Phiếu lấy ý kiến và/hoặc phiếu bầu gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 33.3 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.
- 33.4 Biên bản kiểm phiếu phải được đóng dấu treo của Công ty và có các nội dung chủ yếu theo quy định Luật Doanh nghiệp. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 33.5 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
- 33.6 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu liên quan đã gửi kèm phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.
- 33.7 Quyết định được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi số cổ đông đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
- 33.8 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

- 34.1 Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều 22.9 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
- 34.1.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 34.1.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
- 34.2 Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Khoản 34.1 của Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

- 35.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác, với nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 35.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp nếu có sự khác nhau về nội dung giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh, thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 35.3 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua Đại hội đồng cổ đông trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 35.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản họp và biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

**Mục 2  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 36. Quyền và nghĩa vụ Hội đồng quản trị**

- 36.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 36.2 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- 36.2.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- 36.2.2 Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- 36.2.3 Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- 36.2.4 Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- 36.2.5 Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông trong vòng mười hai (12) tháng;
- 36.2.6 Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- 36.2.7 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- 36.2.8 Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

- 36.2.9 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ này quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- 36.2.10 Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
- 36.2.11 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- 36.2.12 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- 36.2.13 Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- 36.2.14 Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
- 36.2.15 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ.
- 36.3 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác quy định tại Điều lệ. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.
- 36.4 Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.
- 36.5 Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
- 36.6 Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng trái với quy định của pháp luật và điều lệ công ty thì cổ đông sở hữu cổ phần của công ty trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện các nghị quyết nói trên.

### **Điều 37. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

- 37.1 Số lượng và thành phần thành viên Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có tối thiểu ba (03) thành viên và tối đa bảy (07) thành viên; có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú tại Việt Nam. Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
- 37.2 Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:
- 37.2.1 Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là bốn (04) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- 37.2.2 Nhiệm kỳ của thành viên mới được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm là thời gian còn lại của nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đương nhiệm.
- 37.2.3 Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

**Điều 38. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

- 38.1 Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- 38.2 Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, cổ đông khác đề cử người vào Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- 38.3 Tiêu chuẩn và Điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:
- 38.3.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- 38.3.2 Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;
- 38.3.3 Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
- 38.3.4 Không từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
- 38.3.5 Tiêu chuẩn và Điều kiện quy định tại Điều này đồng thời được áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.
- 38.4 Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 38.5 Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết là người nắm giữ cổ phần của công ty.

**Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- 39.1 Chủ tịch do Hội đồng quản trị bầu ra trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 39.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm là Tổng giám đốc của Công ty.
- 39.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ và quyền hạn sau đây:
- 39.3.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- 39.3.2 Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- 39.3.3 Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- 39.3.4 Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- 39.3.5 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- 39.3.6 Quy định phương thức làm việc trong Hội đồng quản trị và phân công công tác các thành viên;

- 39.3.7 Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
- 39.3.8 Quyền và nhiệm vụ khác do điều lệ này quy định và theo quy định pháp luật.
- 39.4 Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng làm việc thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu Phó chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng làm việc, thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ tạm giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
- 39.5 Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- 39.5.1 Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- 39.5.2 Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- 39.5.3 Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- 39.5.4 Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- 39.5.5 Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- 39.5.6 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
- 39.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:

- 40.1 Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:
- 40.1.1 Quyền được cung cấp thông tin:
- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Giám đốc và người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;
  - Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị;
  - Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin: Thành viên Hội đồng quản trị gửi yêu cầu cung cấp thông tin cụ thể tới Ban Giám đốc dưới dạng văn bản giấy hoặc thư điện tử. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin, Ban Giám đốc có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, trừ các trường hợp thời hạn đã được xác định theo quy định của pháp luật.
- 40.1.2 Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác: Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
- 40.1.3 Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 40.2 Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:



- 40.2.1 Thực hiện trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định của pháp luật;
- 40.2.2 Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- 40.2.3 Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 41. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị và biên bản họp Hội đồng quản trị**

- 41.1 Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết.
- 41.2 Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc một nơi khác hoặc có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc tiến hành cuộc họp, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.
- 41.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 41.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - 41.4.1 Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - 41.4.2 Có đề nghị của Tổng giám đốc;
  - 41.4.3 Có đề nghị của ít nhất hai thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
  - 41.4.4 Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 41.5 Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 41.4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người yêu cầu sẽ có quyền thay thế Hội đồng quản trị để tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị.
- 41.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, trường hợp nếu xét thấy cần thiết đối với lợi ích của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị không cần tuân thủ quy định gửi thông báo mời họp trước ba (03) ngày làm việc như quy định. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình và các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu được sử dụng cho cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư điện tử, fax, thư điện tử và phương thức gửi khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

- 41.7 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến tất cả các Kiểm soát viên như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thảo luận các vấn đề nhưng không được biểu quyết.
- 41.8 Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- 41.9 Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên có thể ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 41.10 Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- 41.10.1 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - 41.10.2 Ủy quyền cho người khác đến tham dự;
  - 41.10.3 Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
  - 41.10.4 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 41.11 Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 41.12 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải cùng ký tên lên biên bản và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- 41.13 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và tài liệu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên đó phải gửi văn bản thông báo ý kiến/phiếu biểu quyết của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 41.14 Họp trên điện thoại hoặc bằng các hình thức khác. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp có thể:
- 41.14.1 Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp và người đó có thể phát biểu với tất cả thành viên tham dự khác một cách đồng thời;

- 41.14.2 Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị tập hợp đồng nhất hoặc không có nhóm như vậy là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.
- 41.14.3 Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp pháp sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

#### **Điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị**

- 42.1 Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:
- 42.1.1 Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 38.3 của Điều lệ này;
- 42.1.2 Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống trừ trường hợp bất khả kháng;
- 42.1.3 Có đơn xin từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho công ty và được chấp thuận;
- 42.1.4 Bị bãi nhiệm theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 42.2 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).
- 42.3 Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

#### **Điều 43. Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị**

- 43.1 Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Ban Kiểm toán nội bộ của Hội đồng quản trị như sau:
- 43.1.1 Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 43.1.2 Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- 43.1.3 Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
- 43.1.4 Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- 43.1.5 Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- 43.1.6 Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;

- 43.1.7 Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- 43.1.8 Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
- 43.1.9 Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
- 43.1.10 Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- 43.1.11 Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- 43.1.12 Thực hiện kiểm toán nội bộ của Công ty;
- 43.1.13 Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 43.2 Yêu cầu về nhân sự của Ban Kiểm toán nội bộ:
- 43.2.1 Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
- 43.2.2 Trưởng Ban kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- 43.2.3 Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
- 43.2.4 Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
- 43.2.5 Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.
- 43.3 Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:
- 43.3.1 Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và của từng bộ phận trong Công ty;
- 43.3.2 Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
- 43.3.3 Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.
- 43.3.4 Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Mục 3****TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

**Điều 44. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Ban Giám đốc; quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Giám đốc**

- 44.1 Thành viên Ban Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các giám đốc khối và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm.
- 44.2 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là bốn (04) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- 44.3 Ban Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
- 44.4 Ban Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
- 44.4.1 Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Giám đốc;
- 44.4.2 Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
- 44.4.3 Trách nhiệm báo cáo của Ban Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

**Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

- 45.1 Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao, cụ thể như sau:
- 45.1.1 Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị; bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- 45.1.2 Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- 45.1.3 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- 45.1.4 Quyết định hợp đồng mua, bán, cho vay, vay và các hợp đồng khác có giá trị thấp hơn mười (10) phần trăm tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này;
- 45.1.5 Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- 45.1.6 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) của các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- 45.1.7 Xây dựng và trình Hội đồng quản trị chuẩn y về chính sách khách hàng, quan hệ đối ngoại, tiêu chuẩn nhân viên, chính sách cán bộ, chính sách đào tạo của Công ty;
- 45.1.8 Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- 45.1.9 Tuyển dụng lao động;
- 45.1.10 Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- 45.1.11 Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị để giải quyết những việc vượt quá quyền hạn của Tổng Giám đốc;
- 45.1.12 Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đối với Hội đồng quản trị;
- 45.1.13 Trình Hội đồng quản trị các báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty;

45.1.14 Chịu trách nhiệm về những sai phạm nghiệp vụ gây ra tổn thất cho Công ty ở các mức độ:

- a) Trực tiếp gây ra tổn thất;
- b) Gián tiếp gây ra tổn thất;
- c) Liên đới chịu trách nhiệm.

45.1.15 Tổng Giám đốc có quyền từ nhiệm nhưng phải gửi Đơn đề nghị trước ít nhất sáu mươi (60) ngày so với ngày dự kiến từ nhiệm đến Hội đồng quản trị để xem xét và quyết định.

45.1.16 Quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

45.2 Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

#### **Điều 46. Quyền lợi và trách nhiệm của các thành viên Ban Giám đốc**

46.1 Quyền lợi của thành viên Ban Giám đốc:

46.1.1 Thành viên Ban Giám đốc được quyền nhận tiền lương theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

46.1.2 Tiền lương của thành viên Ban Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

46.2 Trách nhiệm của thành viên Ban Giám đốc:

46.2.1 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

46.2.2 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;

46.2.3 Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

46.2.4 Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Ban Giám đốc và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

46.2.5 Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo quy định của pháp luật về thành lập, hoạt động công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

46.2.6 Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc Công ty**

47.1 Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

47.2 Có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán ít nhất ba (03) năm và có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu ba (03) năm;

47.3 Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;

- 47.4 Không phải là người hành nghề đã bị UBCKNN thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Luật Chứng khoán;
- 47.5 Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác; không đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác.
- 47.6 Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp, bị tuyên bố phá sản trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng;
- 47.7 Đáp ứng các Điều kiện quy định đối với Tổng Giám đốc công ty chứng khoán theo quy định tại các văn bản pháp luật hướng dẫn về tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán.

**Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- 48.1 Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này;
- 48.2 Có đơn xin từ chức;
- 48.3 Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- 48.4 Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.

**Điều 49. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban giám đốc**

49.1 Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

- 49.1.1 Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
  - 49.1.2 Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
  - 49.1.3 Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
  - 49.1.4 Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
  - 49.1.5 Tách biệt tài sản của khách hàng;
  - 49.1.6 Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
  - 49.1.7 Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
  - 49.1.8 Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
- 49.2 Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
- 49.2.1 Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

- 49.2.2 Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
- 49.2.3 Có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc chứng chỉ những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán; chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- 49.2.4 Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;
- 49.3 Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:
  - 49.3.1 Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
  - 49.3.2 Xác định rủi ro của Công ty;
  - 49.3.3 Đo lường rủi ro;
  - 49.3.4 Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

#### Mục 4 BAN KIỂM SOÁT

##### Điều 50. Số lượng, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên

- 50.1 Ban kiểm soát gồm tối thiểu ba (03) thành viên và tối đa là năm (05) thành viên.
- 50.2 Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên sẽ là bốn (04) năm, Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên mới được bầu bổ sung hoặc thay thế kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, không đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm kiểm soát viên là thời gian còn lại của nhiệm kỳ của Ban kiểm soát đương nhiệm. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát mới được bầu và tiếp quản công việc.
- 50.3 Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của Luật doanh nghiệp. Các kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.
- 50.4 Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát như sau:
  - 50.4.1 Điều hành hoạt động của Ban kiểm soát, phân công công việc cho các Kiểm soát viên nhằm đảm bảo thực thi các nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
  - 50.4.2 Đại diện cho Ban kiểm soát trong quá trình thực thi các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
  - 50.4.3 Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - 50.4.4 Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  - 50.4.5 Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
  - 50.4.6 Các quyền và nhiệm vụ của Kiểm soát viên;
  - 50.4.7 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.



**Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên**

- 51.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- 51.2 Không phải là người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- 51.3 Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng;
- 51.4 Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Toà án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật;
- 51.5 Không được giữ các chức vụ quản lý công ty;
- 51.6 Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên hoặc người quản lý của Công ty chứng khoán khác;
- 51.7 Trường hợp công ty đã niêm yết cổ phiếu, kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
- 51.8 Điều kiện và tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

**Điều 52. Nghĩa vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát**

- 52.1 Thẩm quyền của Ban kiểm soát:
  - 52.1.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
  - 52.1.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
  - 52.1.3 Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
  - 52.1.4 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
  - 52.1.5 Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, Điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 22.9 Điều lệ này;
  - 52.1.6 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 22.9 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

- 52.1.7 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 52.1.8 Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm đồng thời có giải pháp khắc phục hậu quả;
- 52.1.9 Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ này dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCKNN trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;
- 52.1.10 Xây dựng quy trình kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 52.1.11 Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình lên các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- 52.1.12 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 52.2 Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- 52.2.1 Quyền của thành viên Ban kiểm soát:
- Sử dụng tư vấn độc lập, Ban kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
  - Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
  - Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
  - Được cung cấp đầy đủ:
    - Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
    - Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;
    - Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
    - Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

- Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát;
- e) Được nhận tiền lương hoặc thù lao và hưởng các quyền lợi khác;
- f) Trưởng Ban kiểm soát có thể yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường nếu thấy cần thiết.
- g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### 52.2.2 Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:

- a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
- c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty, địa vị, chức vụ của mình để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;
- d) Kiểm soát viên sẽ phải chịu trách nhiệm khi không sử dụng những quyền hạn và phương tiện theo thẩm quyền để ngăn chặn những sự kiện mình biết sẽ gây thiệt hại cho Công ty;
- e) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
- f) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

52.3 Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều khoản 52.2.2 dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ của mình đều thuộc sở hữu của Công ty.

52.4 Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu Kiểm soát viên có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

#### Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

53.1 Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- 53.1.1 Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ này;
- 53.1.2 Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- 53.1.3 Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
- 53.1.4 Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này (nếu có).

53.2 Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- 53.2.1 Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- 53.2.2 Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

53.2.3 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

53.3 Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

**Điều 54. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban kiểm soát**

- 54.1 Ban kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 54.2 Mỗi năm Ban kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu hai (02) lần. Biên bản họp phải được ghi chép trung thực, đầy đủ nội dung họp và phải được lưu giữ theo quy định.
- 54.3 Cuộc họp của Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai (02) thành viên tham dự.

**CHƯƠNG V****THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỜNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT VIÊN****Điều 55. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty**

- 55.1 Công ty trả thù lao, tiền lương cho Người quản lý của Công ty theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 55.2 Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc như sau:
- 55.2.1 Tổng thù lao của tất cả thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Đại hội đồng cổ đông dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí và được quyết định tại cuộc họp thường niên;
- 55.2.2 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
- 55.2.3 Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng theo quyết định của Hội đồng quản trị. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc;
- 55.2.4 Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 56. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên**

- 56.1 Kiểm soát viên được trả thù lao công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát;
- 56.2 Kiểm soát viên được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
- 56.3 Thù lao, tiền lương và chi phí hoạt động của người quản lý và Kiểm soát viên được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

## CHƯƠNG VI

### TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

#### **Điều 57. Trách nhiệm của người quản lý**

- 57.1 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 57.2 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;
- 57.3 Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; Không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 57.4 Không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;
- 57.5 Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
- 57.6 Khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:
- 57.6.1 Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả các chủ nợ biết;
- 57.6.2 Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;
- 57.6.3 Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty;

#### **Điều 58. Các tranh chấp có thể xảy ra**

- 58.1 Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa Công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:
- 58.1.1 Cổ đông với Công ty;
- 58.1.2 Cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hay người quản lý quy định tại Điều lệ này;
- 58.1.3 Khách hàng hoặc các đối tác khác liên quan với Công ty.
- 58.2 Nội dung của tranh chấp cần giải quyết: Các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hoặc các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.

#### **Điều 59. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp**

- 59.1 Thương lượng và hòa giải: Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền giải quyết tranh chấp sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

59.2 Đưa ra Trung Tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam hoặc Tòa án có thẩm quyền: Trong trường hợp bình thường, nếu các bên không đạt được thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình thương lượng, hòa giải, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trung Tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo quy tắc tổ tụng của VIAC hoặc Tòa án có thẩm quyền.

59.3 Chi phí thương lượng, hòa giải và chi phí tố tụng:

59.3.1 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải;

59.3.2 Các chi phí tố tụng sẽ do VIAC hoặc Tòa án quyết bên nào phải chịu.

**Điều 60. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận**

60.1 Hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:

60.1.1 Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

60.1.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc và người có liên quan của họ;

60.1.3 Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;

60.1.4 Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc người quản lý khác của Công ty cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

60.2 Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các trường hợp quy định tại khoản 60.1 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

60.3 Hợp đồng hoặc giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại Điều này gây thiệt hại cho Công ty. Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

**Điều 61. Chế độ báo cáo và công bố thông tin****61.1 Nghĩa vụ công bố thông tin**

- 61.1.1 Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;
- 61.1.2 Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho cổ đông và công chúng đầu tư.
- 61.2 Nội dung công bố thông tin
- 61.2.1 Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:
- a) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và báo cáo khác theo quy định của pháp luật;
  - b) Công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát sinh các sự kiện theo quy định của pháp luật;
  - c) Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
- 61.2.2 Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty.
- 61.3 Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:
- 61.3.1 Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
- 61.3.2 Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
- 61.3.3 Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của cổ đông và định kỳ công bố, giải đáp, trả lời những ý kiến đó và các vấn đề về quản trị Công ty theo quy định.
- 61.4 Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.

**CHƯƠNG VII  
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN****Điều 62. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (01/01) hàng năm và kết thúc vào ngày ba mươi một tháng mười hai (31/12) dương lịch hàng năm.



**Điều 63. Hệ thống kế toán**

- 63.1 Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
- 63.2 Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

**Điều 64. Chế độ tài chính**

- 64.1 Chế độ tài chính và báo cáo thường niên của Công ty phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước về cả nội dung và thời gian.
- 64.2 Cuối mỗi năm tài chính, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo tài chính sau:
- 64.2.1 Bảng cân đối kế toán;
- 64.2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- 64.2.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- 64.2.4 Thuyết minh báo cáo tài chính;
- 64.2.5 Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ.
- 64.3 Các báo cáo tài chính này được gửi tới Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị trước phiên họp Hội đồng quản trị bảy (07) ngày để các Kiểm soát viên và Hội đồng quản trị xem xét và được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Sau Đại hội đồng cổ đông, các báo cáo cùng với Biên bản họp Đại hội được lưu lại tại trụ sở Công ty. Thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 65. Kiểm toán**

- 65.1 Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.
- 65.2 Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, Công ty không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
- 65.3 Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- 65.4 Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
- 65.5 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

**Điều 66. Phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức và lập quỹ**

- 66.1 Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức, thưởng và hình thức chi trả hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
- 66.2 Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
- 66.2.1 Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- 66.2.2 Đã bù đắp các khoản chi không được ghi vào chi phí tính thuế của Công ty;
- 66.2.3 Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- 66.2.4 Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- 66.3 Trường hợp cổ tức, thưởng hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở cổ đông cung cấp. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- 66.4 Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách cổ đông và ngày chi trả cổ tức, thưởng theo phương án của Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 67. Trích lập các quỹ theo quy định**

- 67.1 Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các Quỹ:
- 67.1.1 Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;
- 67.1.2 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- 67.1.3 Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- 67.1.4 Các Quỹ khác.
- 67.2 Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại khoản 67.1, Điều này thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 68. Xử lý lỗ trong kinh doanh**

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

## CHƯƠNG VIII TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

### Điều 69. Tổ chức lại Công ty

- 69.1 Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và sau khi được UBCKNN chấp thuận.
- 69.2 Trình tự, thủ tục tổ chức lại Công ty bằng các hình thức nêu trên thực hiện theo các quy định của Luật Chứng khoán, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan khác.

### Điều 70. Giải thể công ty

- 70.1 Công ty giải thể trong các trường hợp sau:
- 70.1.1 Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã được gia hạn;
- 70.1.2 Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể Công ty trước thời hạn và được UBCKNN chấp thuận;
- 70.1.3 UBCKNN thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 70.1.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 70.2 Việc giải thể Công ty trong bất kỳ trường hợp nào đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
- 70.3 Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.
- 70.4 Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### Điều 71. Phá sản công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

### Điều 72. Ban thanh lý

- 72.1 Trong trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động, Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông để quyết định thành lập Ban thanh lý tài sản. Ban thanh lý gồm những người có chuyên môn và hiểu biết trong lĩnh vực thanh lý tài sản. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ giữ chức Trưởng Ban thanh lý. Công ty có thể sử dụng dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực này.
- 72.2 Ban thanh lý là người đại diện chính thức của Công ty trong việc thực hiện các thủ tục thanh lý tài sản và chấm dứt hoạt động của Công ty, kể cả các công việc phát sinh trong quá trình thanh lý như việc kiện tụng, công nợ, ....
- 72.3 Ban thanh lý có nhiệm vụ như sau:
- 72.3.1 Tiến hành kiểm kê toàn bộ các tài sản của Công ty, các khoản nợ và các khoản vay để soạn thảo bản kê khai tài sản có và tài sản nợ;
- 72.3.2 Lập kế hoạch và tiến hành thanh lý các hợp đồng và thanh toán các khoản vay nợ;

- 72.3.3 Ban thanh lý sẽ trình biên bản thanh lý lên Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc thanh lý và thanh toán chi phí thanh lý bao gồm cả lương của các thành viên Ban thanh lý;
- 72.3.4 Ban thanh lý sẽ gửi hồ sơ giải thể Công ty đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện các thủ tục có liên quan theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.
- 72.3.5 Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
- Các chi phí thanh lý;
  - Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
  - Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
  - Các khoản vay (nếu có);
  - Các khoản nợ khác của Công ty;
  - Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ các mục trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

**CHƯƠNG IX****SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ****Điều 73. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ**

- 73.1 Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.
- 73.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**Điều 74. Chế độ lưu trữ tài liệu của công ty**

Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Công ty, thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật:

- 74.1 Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Sổ đăng ký cổ đông;
- 74.2 Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty, giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán; giấy chứng nhận các quyền sở hữu (nếu có);
- 74.3 Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
- 74.4 Quy chế tài chính của Công ty;
- 74.5 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định đã được thông qua;
- 74.6 Bản báo cáo bạch để phát hành chứng khoán;
- 74.7 Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
- 74.8 Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
- 74.9 Các tài liệu khác của Công ty và khách hàng theo quy định của pháp luật.

- 74.10 Tất cả văn bản bao gồm nhưng không giới hạn biên bản, quyết định, thông báo, mẫu, danh sách, công bố, quy định và số đo Công ty, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các tổ chức và chức vụ trong Công ty phát hành hoặc soạn thảo phải được làm bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

## CHƯƠNG X HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

### Điều 75. Hiệu lực thi hành

- 75.1 Bản điều lệ này (Sửa đổi lần thứ 12) gồm 10 Chương 75 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam nhất trí thông qua theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2019, sửa đổi theo Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK ngày 30/06/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.
- 75.2 Điều lệ này được lập thành 03 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau.
- 75.3 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
- 75.4 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 75.5 Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban Giám đốc, Giám đốc, các Trưởng Phó phòng chức năng và toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ này.

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành  
97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

### CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: ..... Quyển số: 01 SCT/E

Ngày: ..... 03-07-2020 .....  
Công chứng viên



### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



PARK WON SANG

*Nguyễn Ngọc Sơn*









**Điều 2.** Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền được thực hiện các loại hình kinh doanh sau đây:

1. Môi giới chứng khoán;
2. Tự doanh chứng khoán;
3. Tư vấn đầu tư chứng khoán;
4. Lưu ký chứng khoán.

**Điều 3.** Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của Công ty.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Sau thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy phép, nếu Công ty không khai trương hoạt động, Giấy phép này mặc nhiên hết hiệu lực và bị thu hồi.

**Điều 5.** Giấy phép này được lập thành hai (02) bản gốc: một (01) bản cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền, một (01) bản đăng ký tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Handwritten signature of Nguyễn Đoàn Hùng*

Nguyễn Đoàn Hùng

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành

97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO**

**ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thư: 025674 ..... Quyển số: 01/SCT/BS

Ngày: 07-07-2020



*Handwritten signature of Nguyễn Ngọc Sơn*





**BẢN SAO**

BỘ TÀI CHÍNH  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142/UBCK-QLKD  
V/v thay đổi thành viên Ban giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2008

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền

Ngày 18/12/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Công văn số 91-07/CV/HĐQT của Quý Công ty thông báo về việc thay đổi thành viên Ban giám đốc. Sau khi xem xét Hồ sơ báo cáo của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo như sau:

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đề nghị Công ty sớm bổ nhiệm Tổng Giám đốc đủ điều kiện theo quy định pháp luật hiện hành.
2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước không phản đối việc Ông Lê Quốc Ân (Chủ tịch Hội đồng Quản trị) tạm thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo để Quý Công ty biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, QLKD.

TL. CHỦ TỊCH  
KT. TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KINH DOANH  
PHÓ TRƯỞNG BAN

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành

97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO**

**ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 023673 ..... Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 07-07-2020



*Nguyễn Ngọc Sơn*



**BẢN SAO**

**BỘ TÀI CHÍNH  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 610/QĐ-UBCK

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2008

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chấp thuận thay đổi địa điểm trụ sở chính Công ty chứng khoán**

#### **CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 63/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cổ phần chứng khoán Gia Quyền số 56/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 07 năm 2007.

Xét Hồ sơ thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công ty cổ phần chứng khoán Gia Quyền ngày 25 tháng 08 năm 2008;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Kinh doanh Chứng khoán,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Chấp thuận cho:**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA QUYỀN**

được thay đổi địa điểm trụ sở chính theo địa chỉ như sau: **Tầng 1, tầng 2 Tòa nhà Chương Dương ACIC Building Central Garden, Số 225 Bến Chương Dương, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.**

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, đồng thời là một bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cổ phần chứng khoán Gia Quyền số 56/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 07 năm 2007.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Quản lý Kinh doanh Chứng khoán, Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền và các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đoàn Hùng

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành

97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO**

**ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 6.7.2..... Quyển số: 01SCT/BS

Ngày: 07-07-2028



Nguyễn Ngọc Sơn

Số 26/UBCK-GP

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2009

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**BẢN SAO**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 63/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Quyền số 56/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 7 năm 2007;

Xét Hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy phép thành lập và hoạt động ngày 26 tháng 8 năm 2009 của Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Quyền;

Theo đề nghị của Trưởng ban Quản lý kinh doanh Chứng khoán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Quyền được điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 7 năm 2007 với các nội dung sau:

*Người đại diện theo pháp luật của Công ty :*

- Chức danh: **Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: **Trần Dương Ngọc Thảo**

Giới tính: **Nữ**

- Sinh ngày: **01/9/1976**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

- Chứng minh thư số: **022977029** do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày **15/02/2005**

- Chỗ ở hiện tại: **29 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa káo, Quận I, Tp. Hồ Chí Minh.**







**Điều 2.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký

Giấy phép điều chỉnh này là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Quyền ngày 05 tháng 7 năm 2007.

Các nội dung quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Quyền sẽ được sửa đổi phù hợp với các quy định của Giấy phép điều chỉnh này.

**Điều 3.** Giấy phép này được lập thành hai (02) bản chính; 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Chứng Khoán Gia Quyền; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đoàn Hùng**

**Văn Phòng Công Chứng Bến Thành**

97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO**

**DÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số ~~002/06~~ **7-1**..... Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày:..... **07-07-2020**.....

Công chứng viên



*Nguyễn Ngọc Sơn*





Số: 376/GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2010

**BẢN SAO**

**GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH**  
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định 112/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 126/2008/QĐ-BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của "Quy chế tổ chức hoạt động công ty chứng khoán" ban hành kèm theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Quyền số 56/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 7 năm 2007;

Xét Hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Quyền;

Theo đề nghị của Vụ Trưởng Vụ Quản lý kinh doanh Chứng khoán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền với nội dung sau:

- Vốn điều lệ: 263.646.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi ba tỷ sáu trăm bốn mươi sáu triệu đồng)**





**Điều 2.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Quyền.

Các nội dung quy định tại điều lệ của công ty cổ phần chứng khoán Gia Quyền phải được sửa đổi theo quy định tại Giấy phép điều chỉnh này.

**Điều 3.** Giấy phép này được lập thành hai (02) bản chính, 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Quyền; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đoàn Hùng

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành

97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO**

**DÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 023675 Ngày: 07-07-2020 Quyền số: 01 SCT/BS



*Nguyễn Ngọc Sơn*



Số: 379/GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2010

**BẢN SAO**

**GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH**  
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định 112/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Quyền số 56/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 7 năm 2007;

Xét Hồ sơ đề nghị sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Quyền;

Theo đề nghị của Vụ Trưởng Vụ Quản lý kinh doanh Chứng khoán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền với nội dung sau:

**1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty :**

- Chức danh: **Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: **Oh Kyung Hee**

- Sinh ngày: **15/01/1960**

Giới tính: **Nam**

Quốc tịch: **Hàn Quốc**







- Hộ chiếu số: M89664378 do Bộ Ngoại vụ và Thương mại Hàn Quốc cấp ngày 25/6/2010

- Chỗ ở hiện tại: 216/C4, Nguyễn Văn Hường, Phường Thảo Điền, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Quyền.

Các nội dung quy định tại điều lệ của công ty cổ phần chứng khoán Gia Quyền phải được sửa đổi theo quy định tại Giấy phép điều chỉnh này.

**Điều 3.** Giấy phép này được lập thành hai (02) bản chính, 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Quyền; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đoàn Hùng

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành  
97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1  
**CHỨNG THỰC BẢN SAO  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 023676 Ngày: 07-07-2020 Quyền số: 01 SCT/BS



Nguyễn Ngọc Sơn



Số: 19/GPĐC - UBCK

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2011

**BẢN SAO**

**GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH**

**Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 112/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cổ phần chứng khoán Gia Quyền số 56/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 7 năm 2007;

Xét Hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy phép thành lập và hoạt động về việc đổi tên của Công ty cổ phần chứng khoán Gia Quyền;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Kinh doanh Chứng khoán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán Gia Quyền với nội dung như sau:

**Tên công ty:**

- Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**
- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**
- Tên viết tắt: **KIS**





- Tên bằng tiếng Anh: **KIS VIET NAM SECURITIES CORPORATION**

**Điều 2.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán Gia Quyền.

Các nội dung quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán Gia Quyền phải được sửa đổi theo quy định tại Giấy phép điều chỉnh này.

**Điều 3.** Giấy phép điều chỉnh này được lập thành hai (02) bản chính; 01 bản cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán Gia Quyền; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đoàn Hùng**

**Văn Phòng Công Chứng Bến Thành**  
97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1  
**CHỨNG THỰC BẢN SAO  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 023677 ..... Quyền số: 01SCT/BS  
Ngày: 07-07-2020

Công chứng viên



**Nguyễn Ngọc Sơn**





Số: 48/GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 8 tháng 7 năm 2011

**BẢN SAO**

**GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH**  
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định 112/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam số 56/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 7 năm 2007;

Xét Hồ sơ đề nghị chấp thuận sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động với nội dung thay đổi Trụ sở chính của Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ Trưởng Vụ Quản lý kinh doanh Chứng khoán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam với nội dung sau:

**Địa điểm Trụ sở chính:** Tầng 3, Tòa nhà Maritime Bank Tower, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận I, Tp. Hồ Chí Minh.





**Điều 2.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.

Các nội dung quy định tại điều lệ của Công ty Cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam phải được sửa đổi theo quy định tại Giấy phép điều chỉnh này.

**Điều 3.** Giấy phép điều chỉnh này được lập thành hai (02) bản chính, 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
  
  
Nguyễn Đoàn Hùng

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành  
97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1  
**CHỨNG THỰC BẢN SAO  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 023679 Ngày: 07-07-2020 Quyển số: 01/SCT/BS



*Nguyễn Ngọc Sơn*



Số: 01 /GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2015

## GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH

**BẢN SAO**

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

### CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định 112/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam số 56/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 7 năm 2007;

Xét Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán với nội dung tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Xét đề nghị của Vụ Trưởng Vụ Quản lý kinh doanh Chứng khoán,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam với nội dung sau:

**Vốn điều lệ: 1.112.766.000.000 VNĐ (Một nghìn một trăm mười hai tỷ bảy trăm sáu mươi sáu triệu đồng).**

**Điều 2.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng





7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.

**Điều 3.** Giấy phép này được lập thành hai (02) bản chính, 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Long

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành  
97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 023578 ..... Quyền số: 01 SCT/BS  
Ngày: 07-07-2020



Nguyễn Ngọc Sơn





Số: 20 /GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2015

**BẢN SAO**

**GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH**  
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định 112/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam số 56/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 7 năm 2007;

Xét Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán với nội dung bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Xét đề nghị của Vụ Trưởng Vụ Quản lý kinh doanh Chứng khoán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam với nội dung sau:

**Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Bảo lãnh phát hành chứng khoán.**

**Điều 2.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.







Điều 3. Giấy phép này được lập thành hai (02) bản chính, 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Long*  
Nguyễn Thành Long

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành

97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 025680 ..... Quyền số: 01 SCT/BS

Ngày: 07-07-2020

Công chứng viên



*Nguyễn Ngọc Sơn*





Số: 38 /GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2017

**BẢN SAO**

**GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH**  
**Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Căn cứ hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam với nội dung như sau:

- Người đại diện theo pháp luật:

**Ông Park Won Sang**

Chức danh: Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 04/8/1963

Quốc tịch: Hàn Quốc

Số hộ chiếu: M29313726

Ngày cấp: 27/5/2016

Nơi cấp: Bộ ngoại giao Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: Andong-gun, Sashin-dong 998, North of Gyungsang Province, Korea

Chỗ ở hiện tại: 119A Lô M1, 2, 4 khu A trong đô thị mới Phú Mỹ Hưng Waterfront, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

**Điều 2.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.

Các nội dung quy định tại Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam phải được sửa đổi theo quy định tại giấy phép điều chỉnh này.

**Điều 3.** Giấy phép điều chỉnh này được lập thành hai (02) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**CHỨNG THỰC BẢN SAO  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực:  
Ngày:

023581

Quyển số: 07/07/2020



*Nguyễn Ngọc Sơn*

Số: 15 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2018

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Dù điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/5/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Thông tư số 23/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/5/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 5 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền;

Căn cứ Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 19/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 3 năm 2011 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền);

Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ Trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh cho:

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**Điều 2.** Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam được phép thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh sau đây:

1. Môi giới chứng khoán phái sinh;

**Điều 3.** Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

**Điều 4.** Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 5 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty.

Các nội dung quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam phải được sửa đổi theo quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh này.

**Điều 5.** Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh này được lập thành hai (02) bản chính; 01 bản cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**CHỨNG THỰC BẢN SÀO  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực:..... Quyển số: 01 SCP/BS

Ngày: 2-3-6-8-2 07-07-2020



Nguyễn Ngọc Sơn

BỘ TÀI CHÍNH  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

## GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

### CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/5/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Thông tư số 23/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/5/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 5 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền;

Căn cứ Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 19/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 3 năm 2011 do Chủ tịch Ủy

ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền);

Căn cứ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh số 15 /GCN-UBCK ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ Trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh cho:

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**Điều 2.** Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của mình và các khách hàng môi giới của mình.

**Điều 3.** Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

**Điều 4.** Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không thể tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 5 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty.

Các nội dung quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam phải được sửa đổi theo quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh này.

**Điều 5.** Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh này được lập thành ba (03) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam; 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Số chứng thực: ..... Quyển số: 01 SGT/BS

02.3.6.8.3 2007 07-07-2020



Nguyễn Ngọc Sơn



Số: 08/GCNTVBT

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2018

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN THÀNH VIÊN BÙ TRÙ**

**Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận:**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam
2. Trụ sở chính: Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
3. Loại hình thành viên: Thành viên bù trừ trực tiếp
4. Người đại diện theo pháp luật: Ông Park Won Sang – Tổng Giám đốc
5. Vốn điều lệ: 1.112.766.000.000 đồng  
(Một nghìn một trăm mười hai tỷ bảy trăm sáu mươi sáu triệu đồng)
6. Điện thoại: 028 3914 8585
7. Fax: 028 3821 6898
8. Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phải sinh số 16/GCN-UBCK ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Đã đăng ký làm Thành viên bù trừ trực tiếp kể từ ngày 07/6/2018.**

**Văn Phòng Công Chứng Bến Thành**

97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO**

**ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 023684 ..... Quyển số: 01 SCP/BS

Ngày: 07-07-2020

Công chứng viên



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Dương Văn Thanh

*Nguyễn Ngọc Sơn*



Số: 42 /GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2018

**BẢN SAO**

**GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH**  
**Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Căn cứ hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam với nội dung như sau:

- Vốn điều lệ: 1.897.011.000.000 đồng (Một nghìn tám trăm chín mươi bảy tỷ không trăm mười một triệu) đồng

**Điều 2.** Giấy phép điều chỉnh này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.

Các nội dung quy định tại Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam phải được sửa đổi theo quy định tại giấy phép điều chỉnh này.

**Điều 3.** Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. /.

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành  
97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1  
**CHỨNG THỰC BẢN SAO  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 0 23y6.8.5.07-07-2020 Quyển số: 01.SCT/85  
  
  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
Phạm Hồng Sơn

*Nguyễn Ngọc Sơn*

Số: 21 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2018.

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/5/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Thông tư số 23/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/5/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền;

Căn cứ Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động (đổi tên Công ty) số 19/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh cho:

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**

**Điều 2.** Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam được phép thực hiện các hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh sau đây:

- Tự doanh chứng khoán phái sinh.

**Điều 3.** Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

**Điều 4.** Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.

Các nội dung quy định tại Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam phải được sửa đổi theo quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh này.

**Điều 5.** Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh này được lập thành hai (02) bản chính; 01 bản cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. /.

Số chứng thực:  
023686  
Ngày: 07-07-2020

Quyển số: 015CT8  
07-07-2020

**CHỨNG THỰC BẢN SẴO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**



Phạm Hồng Sơn

*Nguyễn Ngọc Sơn*

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 674 /QĐ-UBCK

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2019

### **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v sửa đổi, bổ sung quyết định thành lập phòng giao dịch công ty chứng khoán**

#### **CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán; Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Căn cứ Quyết định chấp thuận thành lập Phòng giao dịch Nguyễn Tri Phương số 577/QĐ-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Xét hồ sơ đề nghị sửa đổi quyết định thành lập Phòng giao dịch Nguyễn Tri Phương của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung quyết định thành lập Phòng giao dịch Nguyễn Tri Phương số 577/QĐ-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam với nội dung như sau:

- Tên phòng giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam - Phòng giao dịch Sài Gòn

- Địa chỉ phòng giao dịch: Tầng 4, 180-192 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD 05 tháng 7 năm 2007 và quyết định chấp thuận thành lập Phòng giao dịch Nguyễn Tri Phương số 577/QĐ-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán, Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam và các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: *h*

- Như điều 3;

- Lưu: VT, QLKD, (7b).

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành

97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực:..... Quyền số: 01 SC1/BS

023.6.8.8..... 07-07-2020

Công chứng viên



KT CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
Phạm Hồng Sơn

*Nguyễn Ngọc Sơn*



Số: 35 /GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

**BẢN SAO**

**GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH**  
**Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam;

Căn cứ hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam với nội dung như sau:

- Vốn điều lệ: 2.596.316.050.000 đồng (Hai nghìn năm trăm chín mươi sáu tỷ ba trăm mười sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

**Điều 2.** Giấy phép điều chỉnh này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam.

Các nội dung quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam phải được sửa đổi theo quy định tại giấy phép điều chỉnh này.

**Điều 3.** Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành  
97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

**CHỨNG THỰC BẢN SẠO  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: ..... Quyển số: 01 SCT/BS

0 2 3 6 8 7

0 7 - 0 7 - 2 0 2 0



Phạm Hồng Sơn

*Nguyễn Ngọc Sơn*